

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG**QUYỂN 7****PHẦN PHÁP NHIỆM**

- Nghĩa các Nghiệp

- Có mười sáu môn:

1. Nghiệp của thân, miệng và ý
2. Nghiệp của ba tánh
3. Nghiệp của báo ba thọ
4. Nghiệp hệ ba cõi
5. Nghiệp báo ba thời
6. Nghiệp khúc ứ trước
7. Bốn nghiệp đen trắng
8. Nghiệp năm nghịch
9. Sáu nghiệp
10. Bảy luật nghi bất thiện
11. Tám thứ ngôn ngữ
12. Chín nghiệp
13. Mười nghiệp bất thiện
14. Mười bốn nghiệp cấu nhiễm
15. Mười sáu luật nghi ác
16. Ba mươi lăm lỗi của việc uống rượu

1. BA NGHIỆP THÂN, MIỆNG VÀ Ý.

Chia làm năm môn:

- 1- Giải thích tên gọi, nói về thể tánh.
- 2- Nói về Tướng
- 3- Khai Hợp, Rộng và hẹp
- 4- Nặng nhẹ
- 5- Thượng, Hạ

1. Giải thích tên gọi, nói về thể tánh:

Gom chứa hình sắc gọi là thân. Chỗ phát ra lời nói gọi là miệng. Suy nghĩ phân duyên gọi là Ý, Nương vào ba chỗ này khởi lên hành động gọi là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Danh tự là như vậy, thể tánh thế nào?

1. Thân Nghiệp có hai:

a- Nghiệp tạo tác.

b- Nghiệp không tạo tác.

a. Nghiệp tạo tác: Các luận giải thích khác nhau. Theo luận Tỳ-đàm thì nói thuộc sắc pháp trong ba nhóm pháp, thuộc sắc nhập trong mười hai nhập. Luận này nói thân làm là tánh ngăn ngại nên thuộc về phần sắc. Sắc là pháp thật thuộc về hoạt động của mắt nên thuộc sắc nhập, thí dụ như cao thấp, chánh bất chánh v.v...

Nếu theo luận Thành Thật, nó thuộc về nhóm sắc trong ba nhóm pháp, thuộc pháp nhập trong mười hai nhập. Nghĩa của sắc giống như trên.

Vì sao mà trong mười hai nhập thuộc về pháp nhập? Trong tông Thành Thật, sắc thật không phải nghiệp, sắc giả mới là nghiệp. Trong sự tương tục có tổn có ích mới gọi là Nghiệp. Nên luận Thành Thật nói: “Khi sinh nơi khác, có tổn có ích, gọi là nghiệp”. Trong sự nối tiếp, cái sau khác cái trước gọi là sinh nơi khác.

Trong pháp Đại thừa, thật có tác nghiệp nối tiếp mà thành, gồm cả nghĩa của hai nhà Tỳ-đàm và Thành Thật, không được lấy nghĩa riêng một bên.

b. Nghiệp không tạo tác: Theo Luận A-tỳ-đàm, nó thuộc về sắc pháp trong ba nhóm pháp, thuộc pháp nhập trong mười hai nhập. Vì là tánh ngăn ngại nên thuộc về sắc pháp. Sắc vô tác này không phải lãnh vực hoạt động của mắt, chỉ có ý thức biết nên thuộc về pháp nhập. Nếu theo luận Thành Thật, nó thuộc về pháp phi sắc phi tâm trong tam tụ pháp, thuộc pháp nhập trong mười hai nhập. Tông này không nói có sắc vô tác như A-tỳ-đàm, bởi vì vô tác không giống hình sắc chất ngại nên gọi là phi sắc, không giống tình lự nghĩ suy nên nói phi tâm, vì là lãnh vực hoạt động của ý nên thuộc về pháp nhập.

Trong pháp Đại thừa, gồm cả nghĩa của hai nhà trên, là vì thân nghiệp nên được gọi là sắc, không có tướng sắc tâm nên gọi là phi sắc tâm.

2. Nghiệp miệng, có hai:

a. Nghiệp tạo tác.

b. Nghiệp không tạo tác.

a. Nghiệp tạo tác: Các luận giải thích khác nhau. Theo A-tỳ-đàm nó thuộc về sắc pháp trong ba nhóm pháp, thuộc thanh nhập trong mười hai nhập. Vì là tánh ngăn ngại nên thuộc về sắc pháp, vì thanh là pháp thật trong phạm vi hoạt động của tai nên thuộc về thanh nhập. Tông này không đề cập đến giả danh cho thanh là nghiệp.

Nếu theo Luận Thành Thật, nó thuộc về sắc pháp trong ba nhóm pháp, thuộc về pháp nhập trong mười hai nhập. Vì là tánh ngăn ngại nên thuộc về sắc pháp, vì là thanh giả danh trong phạm vi hoạt động của ý nên thuộc về pháp nhập. Trong sự tương tục có tổn ích nên gọi là giả.

b. Nghiệp không tạo tác: Các luận giải thích cũng khác.

Theo Luận A-tỳ-đàm, nó thuộc về sắc pháp trong ba nhóm pháp, thuộc pháp nhập trong mười hai nhập. Vì là tánh sắc nên thuộc về nhóm sắc, vì là pháp vô tác trong hoạt động của ý nên thuộc về pháp nhập.

Nếu theo Luận Thành Thật thì nói nó thuộc phi sắc phi tâm trong ba nhóm pháp, thuộc pháp nhập trong mười hai nhập, không giống hình sắc chất ngại nên gọi phi sắc, không giống hình tướng suy tư nên gọi là phi tâm, thuộc về lãnh vực của ý nên thuộc Pháp nhập.

Trong pháp Đại thừa, tướng của khẩu nghiệp giống như thân nghiệp.

3. Nghiệp Ý:

Trong phần nghiệp ý, các luận giải thích cũng khác nhau.

Theo Luận A-tỳ-đàm: Nghiệp tạo tác, không có nghiệp không tạo tác. Luận ấy nói: “Do ba loại nên không có vô tác”. Ba loại là thiện, ác và vô ký. Trong sắc pháp đều gồm đủ ba tánh nên cảnh thân miệng thiện có ác vô tác bên nghiệp ác của thân, miệng có thiện vô tác. Tâm pháp thì không phải như vậy, thiện ác không gồm, trong tâm thiện không có ác vô tác. Trong tâm ác không có thiện vô tác. Do nghĩa này nên ý nghiệp chỉ có tác nghiệp. Tác nghiệp này thuộc về tâm pháp trong ba nhóm pháp, thuộc về pháp nhập trong mười hai nhập. Thể của nó là tâm sở tư, nên thuộc về tâm pháp, là lãnh vực hoạt động của ý nên thuộc về pháp nhập.

Nếu theo Luận Thành Thật, ý địa có đủ tác nghiệp và vô tác nghiệp. Luận này nói: “Không có nhân duyên nào khiến cho ý không có nghiệp vô tác”. Phần nghiệp tạo tác thì đồng với Luận A-tỳ-đàm. Nói về chỗ khác thì luận này không nói ngoài tâm có tự thể riêng của tâm sở tư. Luận này nói rằng: “Nếu tư không phải là ý, thì lấy gì làm ý nghiệp? Ý phan duyên vận hành gọi là Tư”. Nghiệp vô tác,

thuộc phi sắc tâm trong ba nhóm pháp, thuộc pháp nhập trong mười hai nhập. Không giống hình sắc chất ngại, lại chẳng phải tình lượng tư duy nên nói chẳng phải sắc tâm, vì là chỗ ý vận hành nên thuộc về pháp nhập.

Trong pháp Đại thừa, ý nghiệp có đủ tác và vô tác. Phần tác nghiệp, tâm sở tư làm thể, thuộc tâm pháp trong ba nhóm pháp; thuộc về pháp nhập trong mười hai nhập. Phần nghiệp vô tác, vì là tâm nghiệp nên được gọi là tâm, vì không phải tướng của tâm nên được gọi là chẳng phải tâm, thuộc về pháp nhập trong mười hai nhập.

2. Nói về tướng

1. Trong thân nghiệp có ba loại: thiện, ác, vô ký.

a. Trong thiện chia làm hai: 1- Chỉ. 2- Tác.

Là ba việc ác của thân gọi là chỉ; các việc lễ bái v.v... gọi là tác.

b. Trong ác cũng chia làm hai: 1- Chỉ. 2- Tác.

Nếu tâm không lễ bái v.v... gọi là chỉ, làm ba việc ác của thân như sát, đạo, dâm là tác.

Vô ký cũng có hai: 1- Chỉ. 2- Tác.

Xả bỏ thân nghiệp khởi lên từ tâm vô ký là chỉ, khởi thân nghiệp và vô ký là tác.

Hỏi: Trong phần dứt nghiệp Thiện và Ác, bỏ hành động ác gọi là Chỉ thiện, bỏ hành động thiện gọi là Chỉ ác, trong vô ký sao không bỏ cả hai hành động thiện ác gọi là chỉ, mà bỏ nghiệp tác khởi từ vô ký mới gọi là chỉ? Nếu trong vô ký cho rằng bỏ nghiệp khởi từ vô ký là chỉ trong Thiện, lẽ ra chỉ dứt nghiệp tác khởi từ thiện mà không bỏ hành động ác, phần của Ác cũng vậy.

Giải thích: Không thể so sánh vô ký với hai tính cách trái ngược nhau của thiện và Ác. Vì trái ngược nhau nên có hai tướng thay đổi chung và riêng. Nói về tướng chung thì lấy thiện đối với ác, lấy ác đối với thiện. Nói về tướng riêng thì chỉ trong thiện sẽ đổi thành hành động ác, chỉ trong ác biến thành hành động thiện. Vô ký không có hai tính cách trái nhau đó nên chỉ có tướng thay đổi chung không có tướng thay đổi riêng. Tướng thay đổi chung thì vô ký đổi thành Thiện và Ác, không có tướng thay đổi riêng nên chỉ của Vô Ký không đổi thành hành động (Tác) của thiện và ác. Tác của Vô Ký không đổi thành Chỉ của Thiện và Ác, trong phần của nó chỉ và tác đổi nhau.

2. Nghiệp miệng cũng có ba: Thiện, Ác, Vô ký. Trong thiện có

hai: Chỉ và Tác, lia bốn lỗi của miệng gọi là Chỉ, tụng đọc khen ngợi âm thanh đúng pháp gọi là Tác. Ác cũng có hai: Chỉ có Tác, không đọc tụng, v.v... là Chỉ, gây ra bốn lỗi về miệng gọi là Tác. Vô ký cũng có hai: Chỉ và Tác. Xả bỏ khẩu nghiệp khởi từ tâm Vô Ký gọi là Chỉ, khởi gọi là Tác.

3. Nghiệp Ý cũng có ba: Thiện, Ác, Vô ký. Thiện có hai: Chỉ là Tác, lia dứt tất cả tư nghiệp bất thiện gọi là Chỉ, khởi lên tư nghiệp thiện là Tác. Ác cũng có hai: Chỉ và Tác, tâm mong muốn dứt lia nghiệp nghĩ thiện gọi là Chỉ, khởi nghiệp nghĩ ác gọi là Tác. Vô ký cũng có hai: Chỉ và Tác, dứt lia tất cả các tâm hoạt động là Chỉ, khởi lên trở lại là Tác.

Hỏi: Sát sinh, trộm cắp, dâm tà là thân làm tác. Miệng bảo người khác giết, vị tiên giận dữ giết người dân của nước Càn-đà-la, là nghiệp nào?

Đáp: Luận giải thích khác nhau. Nếu theo Luận Tỳ-đàm thì thuộc về thân nghiệp, vì rốt cuộc thành giết sát hại, chủ yếu ở thân. Miệng dạy bảo giết hại, người được dạy phải đích thân cắt đứt mạng sống mới thành nghiệp vị. Tiên giận dữ giết người, vì các quỷ thần ở gần đó biết ý của vị tiên nên đến giết hại dân trong nước ấy.

Nếu theo Luận Thành Thật, miệng dạy giết hại thì thuộc về khẩu nghiệp, ý sân mà giết thì thuộc về ý nghiệp. Nên phẩm Tam Tà của Luận Thành Thật chép: “Miệng cũng không thể dạy bảo, ý cũng không thể tạo tác, chỉ thân làm nhiều nên gọi thân nghiệp”. Trong các nghiệp đạo khác, tạo tác lẫn nhau nêu ra cũng vậy. Riêng một loại tà dâm chỉ là thân tạo, vì Thành nghiệp là do từ thân.

Như kinh Niết-bàn nói, trong ba nghiệp này, ý gọi là chánh nghiệp, thân và miệng gọi là Kỳ nghiệp. Kỳ là kỳ hội, từ chỗ nghiệp kia suy tư, hẹn chung nhóm hợp thành tựu ở thân miệng nên gọi là Kỳ nghiệp. Lại kinh ấy nói, ý gọi chẳng phải nghiệp, thân và miệng gọi là Nghiệp quả, vì từ nghiệp suy tư thành thân miệng.

3. Khai hợp rộng lược

Khai hợp không nhất định, hoặc:

* Gồm chung là một gọi là Nghiệp.

* Chia làm hai: 1- Nghiệp tạo tác. 2- Nghiệp không tạo tác. (như trên đã giải thích)

* Chia làm ba:

1. Phân biệt theo cơ quan là ba nghiệp thân, miệng, ý.

2. Phân biệt theo nghĩa:

* Nghiệp tạo tác là hai nghiệp tạo tác của thân, miệng.
 * Nghiệp không tạo tác của thân, miệng.
 * Nghiệp không phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác là nghiệp của thân và miệng.

3. Phân biệt theo tánh; Là nghiệp thiện, ác, vô ký.

* Chia làm bốn: Là bốn thứ nghiệp đen, trắng, v.v...

* Chia làm năm: Như Tạp Tâm nói: Thân có hai, tác và vô tác. Miệng cũng có hai như vậy. Ý chỉ có tác. Cộng lại thành năm.

* Nếu y cứ theo Luận Thành Thật thì ý cũng có hai: Tạo tác và không tạo tác, dựa theo đây thì chia làm sáu.

* Chia làm chín: Thân, miệng, ý nghiệp mỗi thứ có ba thứ là thiện, ác, vô ký, thành chín.

Lại như phẩm Chín Nghiệp của Luận Thành Thật, cũng nói có chín. Chín nghiệp là:

* Dục giới có ba:

1- Nghiệp tạo tác

2- Nghiệp không tạo tác

3- Nghiệp chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác

(giải thích như trên).

* Cõi Sắc cũng như vậy, cộng lại là sáu.

* Cõi Vô sắc có hai:

1- Nghiệp không tạo tác

2- Nghiệp chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác cộng với

sáu loại trên là tám.

* Thêm nghiệp vô lậu là chín.

* Chia làm mười ba:

Như Luận Tỳ-đàm nói:

* Thân khẩu có năm:

1- Làm thiện. 2- Làm bất thiện. 3- Làm không phải Vô ký.

Vô tác có hai, cộng với ba thứ trên là năm: 4- Thiện vô tác và 5- Ác vô tác. (Vô ký yếu kém không có vô tác). Thân nghiệp đã như thế, khẩu nghiệp cũng như vậy.

* Cộng lại là mười.

* Ý địa chỉ có ba thứ nghiệp tạo tác, cộng thêm là mười ba.

* Chia làm mười lăm: Y cứ theo Luận Thành Thật, phần ý cũng có thiện ác, vô tác theo đó thì thân, miệng, ý có mười lăm.

* Chia làm hai mươi ba nghiệp:

* Nghiệp thiện có mười: Bất sát v.v...

* Bất thiện cũng có mười: Sát, đạo v.v...

* Cộng với thân, miệng, ý ba thứ vô ký, là hai mươi ba nghiệp.
Nếu chia rộng thì khó cùng tận.

4. Nói về nghĩa nặng nhẹ của ba nghiệp:

Trong ba nghiệp, nghiệp nào nặng nhất? Trong đây, trước đem hai nghiệp thân, miệng đối với ý nghiệp của nó để nói về nặng nhẹ, sau sẽ nói riêng. Nói là đem thân miệng đối với ý để phân tích thì ý nghiệp nặng nhất, vì tất cả thân miệng do ý tạo thành. Lại trong nghiệp ác thì tà kiến nặng nhất vì làm dứt mất gốc lành, làm nhất-xiển-đề. Trong nghiệp thiện, người Ba thừa xuất đạo rất cao quý, trong thế gian nghiệp phi tướng là hơn, thấy đều là tâm đạo, cho nên biết ý là nặng. Kế là đứng riêng ba nghiệp mà nói về nặng nhẹ. Nghiệp nặng nhất của thân là làm thân Phật chảy máu. Nghiệp nặng nhất của miệng là phá hòa hợp Tăng, phỉ báng kinh Phương Đẳng. Nghiệp nặng nhất của ý là ác nghiệp tà kiến. Như thế, trong nghiệp thiện thì nghiệp bồ-đề là quan trọng nhất. Tóm lại, trong ba nghiệp, thân là nhẹ, miệng trung bình, ý là nặng nhất.

5. Nói về thượng hạ chịu báo khác nhau :

1. Như Ngài Long Thọ nói:

* Bất thiện có ba: Hạ, trung, thượng.

Nghiệp bậc hạ là đọa ngạ quỷ, nghiệp bậc trung là đọa súc sinh, nghiệp bậc thượng là đọa địa ngục.

* Thiện cũng có ba: Hạ, trung, thượng

Nghiệp bậc hạ thì sinh vào A-tu la, nghiệp bậc trung thì sinh làm người, nghiệp bậc thượng thì sinh lên cõi trời.

2. Lại phân biệt.

* Nghiệp ác có bốn bậc: Hạ, trung, thượng và thượng thượng: Bậc hạ thì sinh A-tu-la, bậc trung thì đọa ngạ quỷ, bậc thượng thì đọa súc sinh, bậc thượng thượng thì đọa địa ngục.

* Trong nghiệp thiện cũng có bốn: Bậc hạ sinh lên làm người, bậc trung sinh lên cõi trời, bậc thượng được quả Nhị thừa, bậc thượng thượng được quả Vô thượng.

Lại trong Kinh Niết-bàn, nghiệp thiện chia ra bốn bậc: Bậc hạ sinh về châu Uất-đan, bậc trung sinh về châu Phát-bà, bậc thượng sinh về châu Cù-da, bậc thượng thượng sinh về cõi Diêm-phù-đề. Đó là đối với đạo, mà phân ra thượng hạ. Người châu Uất-đan-việt không chịu

học đạo, người hạ thiện sinh về đó; bậc thượng và trung thì nơi sinh ra khó hiểu đạo, nên người thiện bậc trung sinh về châu Cù-da-ni, người thiện bậc thượng sinh về châu Phất-bà-đề. Kinh ấy chia hai bậc trung và thượng là đứng về báo mà phân chia. Châu Diêm-phù-đề ở phía Nam, rất thù thắng về mặt học đạo, nên người thượng thiện sinh về đó. Nếu phân chia về mặt quả báo ra làm bốn bậc: Hạ sinh Diêm-phù, trung sinh Phất-bà, thượng sinh Cù-da, thượng thượng sinh Uất-đan-việt.

Nghĩa ba nghiệp, phân tích sơ lược như thế.

2. NGHĨA NGHIỆP BA TÁNH: Chia làm ba môn:

1. Giải thích tên gọi, nói về thể
2. Chia tướng
3. Phân biệt theo người

1- Giải thích tên gọi, nói về thể:

* Nghiệp ba tánh là Thiện, Ác và vô ký

1. Thuận gọi là Thiện
2. Trái gọi là Ác, trái và thuận này như trong mười điều thiện, phần hạ Ngũ phẩm có giải thích.
3. Không trái không thuận gọi là Vô ký, giải thích có hai nghĩa:
 - a. Phân biệt theo quả, nghiệp trung dung không ấn định được báo khổ hay vui, nên gọi là Vô ký.
 - b. Phân biệt trên lời nói, nghiệp trung dung Như Lai không nói là thiện hay ác, nên gọi là Vô ký.

* Danh nghĩa như thế, thể tánh thế nào?

1. Thiện có hai tánh chất:
 - a. Tánh thiện hiện đời là do tập quán thành tựu.
 - b. Tánh thiện mới phát sinh do phương tiện nhân duyên đối đãi.
2. Tánh bất thiện chỉ có một, không phân là do phương tiện hay do tập quán. Vì sao? Vì tất cả pháp ác đều do tập khí của quá khứ mà thành tuệ tánh, không nhờ hiện tại có phương tiện mới khởi, cho nên không phân ra.
3. Vô ký có bốn: Báo sinh, oai nghi, công xảo và biến hóa. Hai quả báo khổ, vui gọi là Báo sinh; đi đứng tới lui là oai nghi; nghề nghiệp kinh danh sinh sống là công xảo; mười bốn thứ biến hóa gọi là Biến hóa.

2. Nói về tướng

Tướng chia làm năm:

1. Đứng về thế pháp chia ra ba tánh:

a. Tất cả nghiệp chỉ, tác của thân, miệng và ý của phàm Thánh trong đều thiện, đó gọi là Thiện.

b. Các nghiệp chỉ, tác đều ác gọi là Bất Thiện.

c. Báo sinh, Oai nghi, Công xảo, Biến hóa, gọi chung là Vô ký.

2. Phân biệt theo phần xuất gia đạo pháp:

a. Tất cả dừng hay làm thân, miệng và ý phàm Thánh trong cả hai đều thiện, gọi đó là Thiện.

b. Dừng hay làm, cả hai đều Ác, gọi là Bất thiện.

c. Vô ký: Báo sinh, Oai nghi, Công xảo, Biến hóa.

Nghĩa riêng có ba:

a. Như trong luật dạy, việc làm thuận theo pháp gọi là Thiện.

b. Làm trái pháp gọi chung là Bất thiện

c. Không trái, không thuận gọi là Vô ký.

3. Phân biệt về quả:

a. Sinh chỗ vui gọi là Thiện.

b. Sinh chỗ khổ gọi là Bất thiện.

c. Không thể sinh, gọi là Vô ký.

Trong phẩm này thân, miệng và ý phàm phu và người học dừng hay tạo tác đều là thiện, gọi đó là thiện vì sinh ở chỗ vui; dừng hay tạo tác đều ác đều gọi bất thiện vì sinh về chỗ khổ; báo sinh, oai nghi, công xảo, biến hóa gọi là Vô ký, vì không thể sinh ở chỗ nào. Tất cả việc làm của Bậc Thánh nhân vô học đều gọi là Vô ký, vì không chịu quả vị lai. Nên trong Địa Trì, lỗi phạm của A-la-hán gọi là tội Vô ký đột-kiết-la. Tội đã Vô ký thì thiện v.v... cũng vậy.

4. Phân biệt về lý:

Lý là lý không, thuận lý này gọi là Thiện, trái lý này là bất thiện, không trái không thuận gọi là Vô ký. Trong phần này, phàm phu tạo tác thiện, ác và vô ký đều gọi là bất thiện, vì khởi tâm chấp tánh trái với lý không. Bậc Thánh ba thừa hành động thuận lý, gọi đó là Thiện. Bậc Thánh Ba thừa tùy việc mà làm, gọi là vô ký.

5. Phân biệt về thật.

Thật là Thật tánh Bất không Như Lai tạng. Đối với thật tánh này, thuận thì gọi là thiện, trái thì gọi là bất thiện, không trái không thuận gọi là vô ký. Trong phần này hạnh đức chứng chân của Chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện; tất cả hành động của phàm phu Nhị thừa đều gọi là bất thiện; duyên tu vô lậu trong háp Bồ-tát vừa thiệ vừa bất thiện; thuận

tướng gọi là thiện, trái tánh gọi là bất thiện. Các pháp phi tình khác gọi là Vô ký.

3. Nói về người:

Người là phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật.

Phàm phu Nhị thừa và Bồ-tát có đủ ba nghiệp, một mình Như Lai thì Đại thừa, Tiểu thừa nói khác nhau. Trong pháp Tiểu thừa nói rằng Như Lai có thiện, vô ký mà không có nghiệp bất thiện. Như Táp tâm đã nói, hay như Luận Thành Thật cho quả báo Phật là Vô ký, các đức khác là thiện. Trong pháp Đại thừa nói rằng Như Lai một bề là thiện, không có ác, vô ký là chẳng có. Nên Địa Trì nói: “Chỉ có Như Lai tất cả đều thiện”. Luận Đại Trí Độ cũng nói như thế. Luận ấy cho rằng mười tám pháp Bất Cộng luôn luôn là thiện.

Nghiệp ba tánh, sơ lược như thế.

3. NGHIỆP BÁO BA THỌ

Chia làm ba môn:

1. Giải thích tên gọi
2. Nói về tướng.
3. Phân biệt theo xứ.

1- Giải thích tên gọi:

Ba thọ là khổ, vui, không khổ không vui. Bức não gọi là khổ, ưa thích gọi là vui, cảm thọ trung dung xa lìa hai thứ trên nên gọi là không khổ không vui, cũng gọi là xả thọ. Nghiệp là từ nhân thiện ác khởi lên ba thọ, gọi là nghiệp.

Hỏi: Thiện ác sinh ra năm ấm, vì sao chỉ nói nghiệp thọ, không nói nghiệp sắc, nghiệp tướng v.v..?

Đáp: Như phẩm Tam Thọ trong luận Thành Thật nói, thọ là thật báo nên nói nghiệp thọ, ngoài ra gọi là báo, cho nên chưa ra không nói.

Nói thọ là thật, vì các quả báo khổ, vui chính là đền trả nhân thiện, ác ở quá khứ nên gọi là thật báo. Từ các ấm khác như sắc không phải là sự đối ứng chánh cho hai nhân thiện, ác nên không gọi là thật, chỉ theo đó mà nói là báo nên gọi là báo. Luận ấy lại nói. Thọ là cao siêu nhất nên nói là nghiệp thọ, các thứ kia chẳng phải cho nên không nói. Nói là thắng vì sức của thọ rất mạnh khiến khi đáp ứng lại nhân quá khứ hiện rõ sinh vui, sinh buồn nên gọi là cao siêu còn mấy thứ kia không như

thế. Luận ấy lại nói: Thọ đối với tướng khác nhau trong duyên có thể nhận được nên gọi là nghiệp thọ, các ấm kia không như thế nên bỏ qua không nói. Thế nào là thọ trong tâm duyên nhận được? Như người nói lửa khổ, lửa vui như thế tất cả do thọ trong duyên phát sinh khác nhau, nghĩa đáp ứng hiển hiện nên gọi là nghiệp thọ.

2- Nói về tướng

Hỏi: Nghiệp nào chịu khổ thọ cho đến nghiệp nào chịu xả thọ?

Đáp: Nghiệp ác chịu khổ thọ, nghiệp thiện được xả thọ và lạc thọ. Nghiệp ác chịu khổ, nghĩa này rất dễ hiểu. Trong nghiệp thiện cái nào được vui, cái nào được xả? Trong Luận Tỳ-bà-sa có hai Sư lý luận khác nhau.

* Một Sư giải thích rằng: Thiện có ba bậc: Hạ, trung, thượng. Bốn thiên trở lên có cái thiện thượng diệu, nhận được xả thọ nên vị Sư này nói rằng được chỗ không khổ không vui gọi là thượng thiện, hai là hiện trung và hạ đều được lạc thọ.

Hỏi: Địa vị dưới Bốn thiên vì sao không có báo xả thọ?

Luận Tỳ-đàm giải thích rằng: Địa vị dưới là thô, xả thọ là tế, địa vị dưới không có tịch, xả thọ vắng lặng. Lại địa vị này khi làm thiện chỉ vì thọ lạc không vì thọ xả cho nên không được báo xả thọ.

Như thuyết này thì từ Tam thiên trở xuống không có Báo tâm mà chết đi không có báo xả.

* Một vị Sư khác lập luận: Trong ba bậc thiện, hai bậc thiện thượng hạ có thể được xả thọ, thiện bậc trung được lạc thọ. Như thuyết này thì Tam thiên trở xuống cũng được báo xả nên người Ba thiên trở xuống cho Báo tâm cũng được khi qua đời. Luận Thành Thật cũng đồng với thuyết sau này, cho rằng trong ba bậc thiện thì bậc thượng hạ sẽ nhận xả thọ, bậc hạ như Ba thiên trở xuống được báo xả thọ, bậc thượng sẽ được báo xả thọ của hàng Bốn thiên trở lên. Bởi pháp thiện khởi không thể chóng thành. Cái đầu là thứ lớp vi tế sau thì lìa tướng vắng lặng mâu nhiệm cho nên bậc thượng hạ đều được xả thọ, bậc trung được lạc thọ.

Hỏi: Xả thọ đã từ thiện mà sinh, đáp ứng với nhân thiện, đáng lẽ gọi là lạc, do nghiệp gì mà gọi là xả?

Đáp: Có cái do thiện bậc hạ mà được gọi chung là lạc, do nhẹ nhàng sâu kín giác tâm không hiểu được nên gọi là xả. Cái do thượng thiện được thật là cái vui cao quý vì vắng lặng nên xả giác tâm thô gọi là xả.

Hỏi: Hai cái vui thượng hạ được cảm nhận gọi là xả thì cái thiện

khiến cảm nhận được lẽ ra gọi là vô ký?

Đáp: Không phải, vô ký là không ghi nhận quả báo tương lai gọi là vô ký. Chữ ký nghĩa là pháp khởi sinh quả, chỉ khiến sinh quả gọi là ký. Lạc lấy giác tri làm nghĩa, hai cái vui thượng hạ tâm giác mâu nhiệm nên gọi là lạc, mà gọi là xả.

Hỏi: Quả vui do thiện bậc hạ nhận được vì giác tâm vi tế nên gọi là Xả, còn quả khổ nhẹ của nghiệp bất thiện bậc hạ, tâm giác cũng ít vậy tại sao không gọi là Xả?

Đáp: Không phải, tánh khổ thô nặng trái với tâm rất mạnh đều có hay biết nên không gọi là xả. Tánh vui nhẹ nhàng, khởi lên không trái với tâm, sinh cái biết nhỏ nhiệm nên gọi là Xả.

Hỏi: Khổ vui đều từ nghiệp sinh, vì sao khổ thô, vui tế?

Đáp: Thể của pháp hữu vi trong ba cõi là vô thường sinh diệt, là hành khổ. Khổ thọ lấy hành khổ sâu kín làm thể, trên khổ sinh khổ, khổ tăng nên thô. Lạc thọ cũng lấy hành khổ vi tế làm thể, trên khổ sinh vui, trôi nổi nhẹ nhàng cho nên vi tế. Do khổ thô nên cái khổ dù nặng dù nhẹ cũng gọi là khổ thọ, do lạc tế nên thô là lạc thọ, tế là xả thọ.

3- Phân biệt theo xứ:

Xứ là ba cõi, năm đường khác nhau.

1. Trước đứng về ba cõi để phân biệt tướng nghiệp ba thọ.

a. Nghiệp khổ thọ: Theo Luận A-tỳ-đàm khởi lên ở cõi Dục, quả báo cũng ở tại cõi Dục.

Nếu theo Luận Thành Thật thì nghiệp khổ thọ khởi lên chung cả ba cõi, hệ thuộc cõi Dục. Cõi Dục là chánh, hai cõi trên nương đó mà chịu quả báo, cõi Dục là chỗ thọ báo chánh, cõi trên là chỗ nương để thọ.

Hỏi: Vì sao cõi trên khởi khổ?

Đáp: Cõi trên khi quả báo sắp hết sinh tâm ưu não, ưu não là khổ thọ. Nên Luận ấy nói: “Khổ vui theo thân đến Bốn thiên, lo buồn theo tâm đến cõi Hữu Đảnh”. Lo là khổ, đều thuộc về khổ thọ.

b. Nghiệp lạc thọ: Theo Luận A-tỳ-đàm ở tại cõi Dục, cõi Sắc và cõi Ba thiên trở xuống. Báo cảm nhận cũng tại cõi Dục, cõi Sắc và Ba thiên trở xuống. Nếu theo Luận Thành Thật: Nghiệp báo lạc thọ khởi chung ở khắp ba cõi, hệ thuộc ở tại Ba thiên trở lên là chỗ nương để khởi. Báo cảm nhận cũng chung cả ba cõi, hệ thuộc tại Ba thiên trở xuống. Ba thiên trở xuống là chỗ thọ chánh, Ba thiên trở lên là chỗ nương để thọ.

c. Nghiệp xả thọ, khởi chung ba cõi, thọ báo không nhất định, nếu theo Luận Thành Thật thì ba cõi đều thọ.

Hỏi: Xả thọ đã chung ba cõi, vì sao trong kinh nói Bốn thiên trở lên có xả thọ?

Luận Thành Thật giải thích rằng: Bốn thiên trở lên không còn cái thọ nào cả, nên nói riêng xả thọ, nhưng thật xả thọ đều chung cho các thiên dưới.

Nếu theo Luận Tỳ-đàm thì chỉ Bốn thiên trở lên có xả thọ, các thiên dưới không có, dù cho các thiên dưới có cũng là phương tiện xả thọ.

2. Đứng về năm đường, phân biệt tướng ba thọ.

a. Nghiệp khổ thọ, khởi chung năm đường, thọ báo cũng vậy. Ba cõi Địa Ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh nhận chịu khổ báo chung, hai đường trời, người thọ nhận khổ báo riêng.

b. Nghiệp lạc thọ: Theo Luận A-tỳ-đàm khởi khắp năm đường, quả vui cảm nhận có chung, có riêng. Quả báo vui chung chỉ có ở trời, người, quả báo thọ vui riêng chỉ trừ địa ngục không có, bốn đường kia đều có. Điều này làm sao biết? Như Tạp Tâm nói: “Nghiệp thiện có bốn”

* Nghiệp hiện báo.

* Nghiệp sinh báo.

* Nghiệp hậu báo.

* Nghiệp bất định báo.

Trong bốn thứ báo này địa ngục tạo hết ba, trừ nghiệp hiện báo. Vì trong địa ngục không có thiện báo, còn trong bốn đường kia có đủ bốn nghiệp. Cho nên biết các đường trừ địa ngục đều có thiện báo.

Nếu theo Luận Thành Thật: Nghiệp thật thọ báo khởi chung ở cả năm đường, lạc thọ được hưởng cũng chung khắp năm đường. Luận ấy nói: “Lợi ích lớn nhất của nghiệp thiện là được quả báo trời người cho đến được Niết-bàn, lợi ích nhỏ của nghiệp thiện cho đến ba đường cũng được vui nhỏ”.

c. Nghiệp xả thọ: Theo Luận A-tỳ-đàm khởi chung cả trời người, báo nhận được tại trời cõi Sắc. Nếu theo Luận Thành Thật: Nghiệp xả thọ khởi chung cho năm đường thọ quả cũng vậy.

Nghiệp báo thọ, nói lược như thế.

4. NGHIỆP BUỘC BA CÕI:

Chia làm năm môn:

1. Giải thích tên gọi
2. Năng Nhẹ
3. Sở hệ
4. Chỗ phân biệt
5. Đối Trị Đoạn.

1- Giải thích tên gọi :

1. Tam giới hệ là nghiệp ràng buộc ở cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

a. Dục là cõi Dục, nhiễm ái trần cảnh gọi là dục, dục khác với các cõi trên gọi là cõi Dục. Nhưng ở cõi Dục cũng đấm trước thân mình, còn ưa thích năm trần thì cõi dưới có cõi trên không có, là khác với cõi trên, theo sự ham muốn mà gọi tên.

b. Sắc là cõi Sắc, đối với cõi dưới đáng lẽ gọi tên là Vô Dục, vì cõi này đấm trước sắc chất của mình nên gọi là Sắc vì Sắc chất khác với cõi trên và cõi dưới nên gọi là cõi Sắc.

c. Vô sắc là cõi Vô sắc, theo chỗ nắm giữ đáng lẽ gọi là Tâm giới, vì cõi này không còn quả báo về hình sắc, trái với cõi dưới mà nêu tên là cõi Vô Sắc, do đây phân biệt với cõi dưới mà gọi là cõi Vô Sắc.

2. Hệ thuộc nghiệp, giải thích có bốn nghĩa:

a. Theo thể của nghiệp để nói về nghiệp “hệ”. Nghiệp thể của hữu lậu hệ thuộc về ba cõi nên gọi là nghiệp hệ thuộc ba cõi.

b. Theo sự thọ quả để nói về nghĩa “hệ”, chỗ thọ báo của nghiệp hữu lậu, quyết định nằm trong ba cõi, nên gọi là nghiệp hệ thuộc ba cõi.

c. Theo sự đối nhau giữa nghiệp và quả mà nói về nghĩa “hệ”. Trong ba cõi, nghiệp và quả ràng buộc nhau nên gọi là nghiệp hệ thuộc ba cõi. Luận Thành Thật nói: Bắt đầu từ địa ngục cho đến cõi trời Tha Hóa, thọ báo trong khoảng ấy gọi là hệ thuộc cõi Dục. Từ cõi trời Phạm thế đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, thọ báo trong khoảng ấy gọi là hệ thuộc cõi Sắc. Từ Không xứ cho đến Phi tưởng xứ, thọ báo trong khoảng ấy gọi là hệ thuộc cõi Vô Sắc.

d. Đối với “hoặc” nói về nghĩa “hệ” Bị duyên phiền não của cõi giới tương đương ràng buộc nên gọi là Nghiệp hệ thuộc.

Hỏi: Vì nghiệp quả trói buộc lẫn nhau nên gọi là hệ thuộc, vì sao không gọi là quả hệ thuộc, mà chỉ gọi là riêng nghiệp hệ thuộc?

Đáp: Đứng về quả mà nói hệ cũng được, nay y cứ vào nghiệp môn nên gọi là nghiệp hệ thuộc, lại vì nghiệp là gốc nên nói riêng như vậy.

Hỏi: Phiền não cũng có khả năng trói buộc quả, vì sao không nói phiền não là hệ thuộc mà chỉ nói nghiệp hệ thuộc?

Đáp: Phiền não, lẽ ra cũng là hệ thuộc, nay đứng về nghiệp môn nên nói nghiệp hệ thuộc. Lại nghiệp là hạt giống chánh nên chỉ nói nghiệp hệ thuộc.

Hỏi: Nghiệp báo bất định vô ký hệ thuộc cõi nào?

Luận Thành Thật giải thích rằng: Là hệ thuộc cõi Dục. Vì sao? Vì là quả báo của nghiệp cõi Dục.

Hỏi: Nghiệp hệ thuộc khác pháp hệ thuộc ra sao?

Đáp: Nghiệp hệ thuộc hạn cuộc ở ba nghiệp, không chung với các pháp khác. Nếu nói về pháp hệ thuộc, thì chung cả nghiệp phiền não và các tâm vương, tâm sở tương ứng với nó, tất cả đều gọi là pháp hệ thuộc.

2- Năng hệ thuộc:

Phân tích về năng hệ thuộc, có bốn:

1. Phân biệt trên sự đối nhau giữa hữu lậu và vô lậu.

Hữu lậu là hệ, vô lậu không nhất định.

* Trong pháp Tiểu thừa, một bề do vô lậu là không hệ thuộc.

* Trong pháp Đại thừa thì cho vô lậu có hai:

a. Người chân chứng một bề không hệ thuộc,

b. Người duyên chiếu cũng có hệ thuộc và không hệ thuộc.

So với quả báo phần đoạn, không nhóm không rời, nên gọi là không hệ thuộc, so với quả biến dịch, nhân quả trói nhau cũng gọi là hệ thuộc. Nghĩa là biến dị trong thế gian vì chịu quả báo.

2. Phân biệt theo thiện, ác, vô ký.

Nếu nói thể của nghiệp quyết định thuộc về ba cõi, lại bị phiền não của cõi giới tương đương ràng buộc mà gọi là nghiệp hệ thuộc, thì tất cả thiện ác, vô ký, hữu lậu đều gọi là nghiệp hệ thuộc. Nếu nói đặc quả quyết định thuộc ba cõi, lại nhân quả ràng buộc nhau, lại ba cõi gọi là hệ thuộc, thì thiện ác hữu lậu gọi là nghiệp hệ thuộc, vô ký không hệ vì không có quả báo. Theo tính thiện ác của hai nghiệp, nghiệp bất thiện nhất định hệ thuộc cõi Dục. Nghiệp thiện có hai, một định, một loạn. Loạn là các nghiệp thí, giới hệ thuộc cõi Dục. Định là nghiệp Bốn thiên tám định. Bốn thiên hệ thuộc cõi Sắc; nghiệp bốn không định hệ thuộc cõi Vô Sắc.

3. Phân biệt theo thân, miệng và ý:

Hai nghiệp thân và miệng hệ thuộc cõi Dục và cõi Sắc. Ý nghiệp

hệ thuộc thuộc chung cả ba cõi.

4. Phân biệt theo tội, phước bất động:

Tội là nghiệp bất thiện. Phước là nghiệp tán thiện. Bất động là nghiệp tám thiện định. Trong ba thứ này, nghiệp tội và nghiệp phước hệ thuộc cõi Dục, nghiệp bất định hệ thuộc hai cõi trên.

3- Sở hệ thuộc:

Trong đây có hai:

1- Đối với nghiệp hệ thuộc, nói chỗ hệ thuộc.

2- Đối với pháp hệ thuộc, nói về chỗ hệ thuộc.

1. Trong nghiệp sở hệ thuộc phân biệt có bốn:

a. Phân biệt theo hữu lậu vô lậu:

Theo Luận A-tỳ-đàm, quả báo hữu lậu từ nghiệp mà sinh, là sở hệ của nghiệp, vô lậu không từ nghiệp hữu lậu sinh, chẳng phải sở hệ của nghiệp.

Nếu theo Luận Thành Thật: Tất cả hữu lậu đều từ nghiệp hữu lậu ở quá khứ sinh, là sở hệ thuộc của nghiệp, pháp vô lậu cũng từ thí, giới v.v..., ở quá khứ sinh, nhưng là nghiệp quả chớ không phải là nghiệp hệ thuộc. Vì sao? Vì trong kinh nói có cái thọ bất hệ. Lại pháp vô lậu khởi mượn nhân, muốn sinh phải nhờ duyên. Các việc hành do quá khứ tu tập như thí, giới là duyên, phương tiện vô lậu làm nhân, do năng lực của nhân mạnh nên không hệ thuộc. Luận giải thích như thế, nếu nói nhân quả cùng hệ thuộc nhau mà gọi đó là hệ thuộc, thì lý cũng sai. Trong pháp Đại thừa, chứng vô lậu chân thật chẳng phải là nghiệp bị hệ thuộc, biến dịch vô lậu là nghiệp sở hệ.

b. Phân biệt theo ba tánh:

Theo Luận A-tỳ-đàm: Quả báo vô ký trong pháp vô ký là nghiệp quả, là nghiệp sở hệ thuộc, các tánh khác chẳng phải nghiệp hệ thuộc. Nếu theo Luận Thành Thật: Ba tánh trong pháp hữu lậu đều từ nghiệp hữu lậu của quá khứ sinh, là nghiệp sở hệ thuộc. Luận ấy nói: “Ta nói nghiệp báo có ba: Thiện, ác và vô ký. Nghiệp thiện là người ở quá khứ tu pháp thiện nên nay được quả báo thiện. Báo bất thiện là quả báo về tham dục như bất năng nam v.v...; quả báo về sân nhuế như rắn rít v.v...”. Tất cả quả báo vô ký như thế, nghĩa đó có thể biết. Vì là nghiệp báo, là nghiệp sở hệ thuộc. Lại luận ấy nói, các pháp được sinh thành đều từ nghiệp làm gốc, nếu không có gốc nghiệp thì làm sao sinh. Cho nên các pháp đều là nghiệp sở hệ thuộc.

c. Phân biệt theo nội ngoại:

Theo Luận Tỳ-đàm, nội báo của chúng sinh từ nghiệp mà sinh là nghiệp sở hệ thuộc. Tất cả cảnh giới bên ngoài như núi sông v.v... không từ nghiệp sinh, không phải nghiệp sở hệ thuộc.

Hỏi: Tất cả núi sông đất đai là quả y báo của chúng sinh, vì sao nói không phải nghiệp sở hệ thuộc? Lại như người làm lành thì sinh chỗ tốt, nếu người làm ác thì sinh chỗ xấu, vì sao nói không phải nghiệp hệ thuộc?

Luận Tỳ-đàm giải thích: Núi sông là do pháp bốn đại bên ngoài làm nhân, không do nghiệp khởi nên không phải nghiệp hệ thuộc. Nói rằng tạo nghiệp lành sinh chỗ lành, tạo nghiệp bất thiện sinh chỗ xấu đó là nghiệp lực như gió. Vì gió nghiệp thiện thổi các chúng sinh về chỗ lành hưởng vui; vì gió nghiệp ác thổi các chúng sinh đến chỗ ác chịu khổ. Nhưng trụ xứ ấy không do nghiệp khởi nên chẳng phải nghiệp hệ thuộc.

Nếu theo Luận Thành Thật thì tất cả pháp trong ngoài đều là nghiệp quả, đều là sở hệ của nghiệp.

Hỏi: Pháp bên ngoài không phải là chúng sinh, có sẵn từ trước không do nghiệp mà có, tại sao nói là nghiệp hệ thuộc? Lại pháp bên ngoài đồng loại sinh nhau, như đậu sinh đậu, lúa sinh lúa, đâu có dùng nghiệp mà nói nghiệp quả, nghiệp sở hệ thuộc?

Luận Thành Thật giải thích: Pháp bên ngoài tuy không phải chúng sinh, như là quả cộng nghiệp của chúng sinh, cũng từ nghiệp khởi. Nếu nói pháp bên ngoài đồng loại sinh nhau không do nghiệp thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Như chúng sinh tuy từ cha mẹ sinh ra, cũng phải mượn nghiệp. Pháp bên ngoài cũng vậy, tuy là đồng loại nhưng lần lượt làm nhân cho nhau mà khởi cũng do nghiệp, nào có sai. Lại tất cả vật không phải đều từ nhân của đồng loại sinh, như vào thời kiếp sơ, tất cả muôn vật không nhân mà khởi, nên biết do nghiệp. Vì do nghiệp sinh nên là nghiệp sở hệ thuộc.

d. Phân biệt theo ba Tụ:

Ba Tụ là: Sắc, tâm và chẳng phải sắc chẳng phải tâm. Như Luận A-tỳ-đàm: Trong phần sắc pháp chỉ có quả báo năm căn và phù trần căn của chúng; sắc, hương, vị và xúc là nghiệp quả, nghiệp sở hệ thuộc. Ngoài ra tất cả phương tiện làm lớn mạnh năm căn mắt và năm trần bên ngoài, đều chẳng phải nghiệp quả, chẳng phải nghiệp sở hệ thuộc. Trong phần tâm pháp, chỉ có tâm, tâm sở của báo sinh là nghiệp quả, nghiệp sở hệ thuộc, ngoài ra tất cả tâm pháp ba tánh đều không phải nghiệp quả, không phải nghiệp sở hệ thuộc. Trong phần chẳng phải

tâm, chỉ có mạng căn, quả báo trời Vô Tướng, chủng loại chúng sinh và tướng sinh trụ diệt tương ứng với chúng là pháp báo, là nghiệp sở hệ thuộc, ngoài ra đều chẳng phải báo chẳng phải nghiệp sở hệ thuộc.

Nếu theo Luận Thành Thật: Trong pháp hữu lậu tất cả pháp sắc, pháp tâm, chẳng phải sắc tâm đều là nghiệp quả, là nghiệp sở hệ thuộc.

2. Đối pháp hệ thuộc nói về chỗ ở hệ thuộc:

Theo Luận A-tỳ-đàm: Tất cả hữu lậu trong cõi Dục đều bị phiền não trong cõi Dục làm duyên ràng buộc gọi là cõi Dục hệ. Tất cả hữu lậu trong cõi Sắc bị phiền não cõi Sắc ràng buộc gọi là hệ thuộc cõi Sắc. Cõi Vô sắc cũng vậy.

Trong Luận Thành Thật không có nghiệp này.

4. Phân biệt hệ tướng heo xứ :

Theo Luận A-tỳ-đàm: Nghiệp hệ thuộc cõi Dục chỉ khởi ở cõi Dục, khi thọ báo cũng ở cõi Dục. Nghiệp hệ thuộc cõi Sắc khởi ở cõi Dục và cõi Sắc, khi thọ báo chỉ ở cõi Sắc, không có ở cõi khác. Nghiệp Vô sắc khởi chung ở ba cõi, khi thọ báo ở tại cõi Vô Sắc.

Hỏi: Vì sao ở cõi dưới không khởi nghiệp cõi trên, thân ở cõi trên không khởi nghiệp cõi dưới?

Đáp: Vì kia cõi dưới đoạn dứt, thân sinh lên cõi trên, pháp của cõi dưới dứt, cho nên ở cõi trên không khởi nghiệp cõi dưới.

Hỏi: Nếu nghiệp hệ thuộc cõi Dục chỉ thọ ở cõi Dục không thọ ở cõi khác, như trong kinh nói phước lấy chậu cho chúng tăng rửa ráy, tắm gội được sinh lên cõi trời Phạm Thế. Lấy chậu cho chúng tăng rửa ráy là tán thiện, là nghiệp cõi Dục, tại sao lại được thọ báo ở cõi trên?

Đáp: Phước của việc lấy chậu cho chúng tăng rửa ráy là nhân duyên dẫn dắt sinh ra thiên định, nên sinh lên cõi trời Phạm Thế, chẳng phải ngay cái phước lấy chậu cho chúng tăng rửa ráy mà được sinh về nơi đó. Kinh nói về duyên xa nên nói lấy chậu cho chúng tăng rửa ráy được sinh lên cõi trời Phạm thế.

Hỏi: Thiên định là nghiệp của cõi trên, chỉ thọ báo của cõi trên chẳng phải cõi dưới. Kinh nói tu hạnh Từ, chánh báo ở cõi trời Phạm Thế, sau sinh ở cõi Dục, thân tâm không nào loạn, vì sao nói chẳng thọ báo ở cõi dưới?

Đáp: Thế của Từ là nghiệp cõi trên, chỉ thọ ở cõi trên. Trong Kinh nói sau sinh cõi Dục thân không nào loạn, ấy là khi người kia tu hạnh Từ, phương tiện trước và sau, thân miệng nhu nhuyễn không làm nào

hại chúng sinh, phương tiện này là thiện ở cõi Dục nên sinh cõi Dục thân tâm không nhiễu loạn. Nếu theo Luận Thành Thật thì nghiệp hệ của ba cõi khởi theo chính cõi của nó, ở cõi khác cũng có thể dựa vào đó mà khởi. Như ở cõi Dục khởi tu tám thiền, đó là cõi dưới dựa vào nghiệp cõi trên mà khởi. Lại nếu ở cõi trên khởi nghiệp tà kiến v.v... đó là dựa vào nghiệp bất thiện của cõi dưới mà khởi. Lại như ở Sơ thiền, Phạm Vương Bà-già bảo các Phạm chúng: “Các ông cứ ở đây, ta có khả năng làm cho các ông dứt già chết, các ông không cần đến chỗ Cù-đàm”, đó cũng là dựa vào bất thiện cõi Dục mà khởi. Lại, các Phạm chúng gặp Phật lễ bái, khen ngợi đó cũng là dựa vào nghiệp thiện của cõi Dục.

Hỏi: Tâm tà kiến v.v... của cõi trên là pháp vô ký, vì sao nói là pháp bất thiện của cõi dưới?

Luận Thành Thật giải thích rằng: Kinh nói: Tà kiến là nhân duyên của khổ, nó do khổ báo mà có tất cả đều khổ bốn đại, tà kiến như thế, sao lại vô ký được? Vì là bất thiện, hệ thuộc cõi Dục. Lại trong Thành Thật, quả của ba cõi cũng có thể dựa để thọ. Như hai cõi trên, khi quả báo sắp hết tâm sinh ưu não, khổ não này hệ thuộc cõi Dục dựa vào cõi trên mà cảm thọ. Lại trong kinh nói, phước lấy chầu cho chúng tăng rửa ráy được sinh lên cõi trời Phạm Thế, cũng là cõi Dục dựa vào cảm thọ báo ở cõi trên. Lại kinh nói, nhân duyên tu hạnh từ chính là sinh lên cõi trời Phạm Thế, sau sinh cõi Dục thân tâm không nhiễu loạn, cũng là cõi Dục dựa vào cảm thọ báo của cõi trên.

Trong pháp Đại thừa đồng với Luận Thành Thật, tất cả các nghiệp đều được dựa khởi sẽ cũng được dựa vào cảm thọ, cho đến chánh báo cũng là dựa vào cảm thọ không phải chính là khí dư thừa.

5. Trị đoạn:

Trong đây có hai:

- 1- Nói chung về trị đoạn
- 2- Nói theo địa vị riêng.

1. Nói chung về trị đoạn: Nói chung: Trong Luận Tỳ-đàm: Nghiệp “tư” bất thiện tương ứng với phiền não chính là phải dứt thể của nó. Do dứt thể nên nghiệp khổ nghiệp ấy chấm dứt, gọi là thường diệt, ngoài ra tất cả nghiệp ác của thân, miệng và các nghiệp thiện, chỉ đoạn dứt sự hệ phược của nghiệp “tư”, không dứt thể của nghiệp. Vì trong đoạn thể của nghiệp nên không gọi là thường diệt.

Trong Luận Thành Thật vì dứt phiền não khiến nghiệp không khởi gọi là đoạn nghiệp. Nhưng trong tông này do dứt phiền não khiến

nghiệp chẳng khởi đều là thường diệt, không đồng như Luận Tỳ-đàm đã nói: Có trường hợp là thường diệt, có trường hợp không phải thường diệt. Nên luận này nói, pháp kiến đoạn là chỉ cho tướng mạn và chỗ khởi của các pháp từ đó. Pháp tu đoạn không thị hiện tướng mạn và chỗ khởi của các pháp từ đó. Tướng ngã mạn là kiến đế hoặc, pháp sở khởi là nghiệp và quả khổ phát sinh từ Ngã Mạn. Không chỉ Tướng mạn là tu đạo hoặc, pháp sở khởi là nghiệp và quả khổ phát sinh từ đó, cho nên biết chỗ đoạn dứt là thường diệt.

Trong pháp Đại thừa, cũng cắt đứt thể của nghiệp, vì biết các nghiệp từ tâm vọng tưởng khởi vì vốn không có pháp. Tướng chung là như thế.

2. Nói theo các địa vị riêng:

Theo Luận A-tỳ-đàm, nghiệp ác trong ba đường có Kiến đoạn, có Tu đoạn. Trước là phàm phu, y cứ vào hoặc của kiến đế khởi lên các nghiệp, nghiệp này đến khi Kiến đạo thì cắt đứt. Phàm phu, những nghiệp khởi lên từ hoặc Tu đạo, đến địa vị chín vô ngại trong tu đạo ở cõi Dục thì cắt đứt. Nghĩa này, về sau trong chương Tứ Nghiệp sẽ phân biệt rõ ràng. Nhân thiên trong cõi Dục, chỗ thọ báo nghiệp ác riêng; đến khi đắc quả Na-hàm thì dứt hẳn hệ phược; khi sinh lên cõi trên và khi vào Niết-bàn thì không bao giờ tạo lại.

Nếu Luận Thành Thật, nghiệp ác trong ba đường một bề dứt trong ở giai vị Kiến đạo.

Hỏi: Theo Luận Tỳ-đàm: Nghiệp ba đường chia làm hai phần; có kiến đạo đoạn, có Tu đạo đoạn. Vì sao Luận Thành Thật nói nghiệp ác trong ba đường chỉ có kiến đạo đoạn?

Đáp: Hai tông phân tích về hoặc đều khác nhau.

Trong Luận Tỳ-đàm, phàm phu khởi cả hai loại phiền não; kiến đế và Tu đạo. Phiền não do mê lý sinh là kiến đế hoặc; phiền não duyên theo sự sinh là Tu đạo hoặc. Hai hoặc này đều phát khởi ý nghiệp bất thiện trong ba đường. Tạo xong nghiệp thường có pháp thành tựu do nghiệp quá khứ sinh ra trói buộc hành giả. Khi vào địa vị kiến đạo, tất cả nghiệp bất thiện khởi lên từ kiến hoặc đều cắt đứt; khi vào địa vị chín vô ngại tu đạo ở cõi Dục thì tất cả nghiệp bất thiện khởi lên từ tu hoặc đều cắt đứt, cho nên chia làm hai. Hai nghiệp thân và miệng, chỉ tu hoặc mới khởi, vì chúng là thể đoạn, sát-na đoạn, nên không được mà được. Chỉ vì tư nghiệp cõi Dục trói buộc. Khi dứt tư nghiệp thì sự trói buộc kia cũng dứt, nên gọi là dứt. Trong Luận Thành Thật, khi còn phàm phu chỉ khởi kiến hoặc; Tu hoặc thành tựu mà không hiện hành. Vì sao như

thế? Vì Theo tông này tất cả phiền não đều có tánh chấp, phàm phu khởi hoặc thì tánh chấp rất nặng, khi đến kiến đạo thì đoạn dứt, cho nên phiền não của phàm phu đều gọi là kiến hoặc. Thánh nhân khởi hoặc, tánh chấp thủ mỏng nhẹ. Phàm phu khởi hoặc thì không thể như vậy, nên khi còn phàm phu không khởi tu hoặc. Vì tông này cho rằng: Khi còn phàm phu chỉ khởi kiến hoặc, cho nên nghiệp ác trong ba đường đều do kiến hoặc khởi. Vì thế, tất cả nghiệp chỉ đến kiến đạo thì dứt.

Báo nghiệp ác của trời người trong cõi Dục và tất cả nghiệp thiện trong cõi Dục, đến khi đắc quả A-na-hàm thì không còn vận hành. Trong ấy tuy có các nghiệp thiện như lễ bái v.v..., đều gọi là dụng tâm khởi, là thiện vô lậu, chẳng phải nghiệp của cõi Dục.

Nghiệp thiện của cõi trên, tùy theo chỗ dứt biết tất cả không sinh khởi. Trong ấy tuy các nghiệp thiện v.v... gọi là dụng tâm khởi nhưng chẳng phải là nghiệp trói buộc.

Trong pháp Đại thừa, nghiệp ác trong ba đường chưa khởi khi còn là Chủng Tánh hoàn toàn không khởi, khi đã khởi thì có nặng có nhẹ. Nghiệp nặng thì nhất định có trói buộc, nghiệp nhẹ thì chắc chắn sẽ không bị trói buộc.

* Quyết định có ba thứ:

a. Thời quyết định: Thời gian sau không hiện sinh thì chắc chắn Thọ quả báo.

b. Báo quyết định: Chắc chắn có quả báo.

c. Xứ quyết định: Quyết định thọ quả báo trong ba đường.

* Nói không quyết định cũng có ba thứ:

a. Thời không quyết định: Thời gian sau hiện sinh không quyết định quả báo sẽ thành tựu lúc nào.

b. Báo không quyết định: Gặp duyên thì thọ báo, không gặp duyên không thọ.

c. Xứ không quyết định: Ở trong sáu đường, được thọ báo vào đường nào thì liền thọ báo không quyết định nơi nào.

Khi đoạn được chủng tánh thì định nghiệp không còn thọ báo trong ba đường ác nữa. Vì quả báo được tự do sinh khởi trên chủng tánh. Nghiệp khi vào sơ địa thì cắt đứt Bất định. Vì thế trong Địa Kinh nói: “Sơ địa là chỗ sợ hãi của đường ác”. Lại Trì Địa nói: “Bồ-tát Giải Hạnh chuyển được quả báo đường ác, nhập Hoan Hỷ địa”. Cho nên biết đến Sơ địa thì nghiệp ác dứt hẳn. Từ Giải Hạnh trở lên, dùng năng lực bi nguyện mà thọ sinh. Kinh Địa Trì nói: “Hàng Chủng Tánh Giải Hạnh hoặc có khi sinh trong đường ác”. Lại Kinh Niết-bàn nói: “Bồ-tát Địa

tiền, nghiệp như cát bụi ở đời quá khứ, do năng lực nguyện nên tất cả đều thọ”.

Hỏi: Luận nói Bồ-tát Chứng Tánh vượt trên hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Trong pháp Thanh văn, khi nhập kiến đạo đã hoàn toàn không thọ đường ác, vì sao người chứng tánh cho đến Giải Hạnh vẫn còn thọ đường ác?

Đáp: Người Nhị thừa đối với sinh tử một bề nhằm chán, chẳng nguyện, chẳng đọa, nên khi vào kiến đạo hoàn toàn không thọ nghiệp ba đường ác. Bồ-tát Địa tiền bi nguyện theo mọi loài chúng sinh, cho nên nhận quả báo ác trong ba đường. Nếu thế thì vì sao Bồ-tát Địa thượng không thọ? Vì nghiệp chấm dứt. Nghiệp báo ác của hàng trời, người trong cõi Dục, cũng đến Sơ địa thì hoàn toàn dứt sạch. Nghiệp ác như thế.

Về nghiệp thiện thì hàng trời người khi chưa khởi cho đến Sơ địa thấy pháp vắng lặng, xa lìa chấp trước không khởi trở lại. Nếu nói chung, hàng Chứng Tánh trở lên thấy các pháp như không sinh trở lại. Khi đã khởi cũng có hai thứ:

1. Định hệ thủ tánh tâm khởi.
2. Bất định thuận theo thế đế, tâm giả danh khởi.

Trong định hệ có chánh có tập, bất định cũng vậy.

Chánh trong định hệ là khi đến hàng chứng tánh thì chấm dứt, không còn dùng để thọ sinh ba cõi, vì trên hàng chứng tánh ở trong sáu đường sinh tự tại.

Tập trong định hệ là từ hàng Chứng Tánh trở lên do năng lực bi nguyện chuyển thành bất định, dùng đó thọ sinh. Đến Sơ địa hoàn toàn cùng tận, nên trên bậc Sơ địa gọi là xuất thế gian. Phần Ưu-ba-đề-xá trong Kinh Pháp Hoa nói Sơ địa là lìa phần đoạn. Lại kinh Lăng-già nói: Bồ-tát Sơ địa được hai mươi lăm môn Tam-muội, lìa hai mươi lăm cõi. Cho nên biết Bậc Sơ địa quả báo trong ba cõi tận dứt.

Chánh nghiệp trong bất định hệ, từ Sơ địa trở lên còn dùng thọ thân, bậc Sơ địa trở lên tuy bên trong có thân pháp tánh, cũng còn tạp báo. Nên trong Đại Phẩm nói bậc Thất địa có nhục thân là ở chỗ này. Khi đến Bát địa rốt ráo cùng tận. Kinh Niết-bàn nói: “Bát địa trở lên gọi là A-na-hàm, không còn trở lại hai mươi lăm cõi, lại không thọ thân hôi hám, thân trùng”.

Tập khí vi tế trong bất định hệ, đến địa vị Phật mới dứt sạch, từ Thập Địa trở xuống chưa dứt sạch nên không được gọi là đoạn Hữu đẳng chủng, vì chỉ có Phật mới dứt hết. Riêng Phật khéo dứt Hữu đẳng chủng,

vì chỉ có Phật mới dứt hết, riêng Phật khéo dứt Hữu đẳng chứng.
 Hệ thuộc nghiệp ba cõi, nói sơ lược như thế.

5. NGHĨA NGHIỆP BÁO BA THỜI:

Chia làm năm môn:

1. Giải thích tên gọi, nói về tướng.
2. Định ra Nghiệp Thế.
3. Phân Biệt Giới Thú.
4. Phân Biệt Nhân Duyên.
5. Phân Biệt Chứng Quả Nhiều Ít, mau chậm.

1- Giải thích tên gọi, nói về tướng:

Nghiệp báo ba thời là nghiệp hiện báo, sinh báo và hậu báo. Nhận quả ở đời này gọi là hiện báo; kế sau đời này chịu quả báo gọi là sinh báo; qua đời sau nữa mới thọ báo gọi là hậu báo. Hiện khởi thiện, ác tạo các quả báo gọi là nghiệp báo ba đời.

Danh nghĩa như thế, tướng trạng Thì Khai hợp không nhất định: Hoặc chia làm hai là định và bất định. Quyết định thọ báo trong ba đời gọi là Định; không quyết định thọ gọi là Bất định.

* Hoặc chia làm ba, dùng đời bao gồm chung: Không khởi nghiệp trong các đời; hiện, sinh và hậu. Bởi thọ báo không khởi trong các đời; hiện, sinh, hậu nên nghiệp quyết định hay không quyết định bị hiện báo, gọi chung là hiện nghiệp. Với đời sinh báo và hậu báo cũng vậy.

* Hoặc chia làm bốn, như trong kinh nói ba đời nghiệp trên lại cộng thêm nghiệp báo bất định là bốn. Nếu đời này tạo nghiệp, hiện đời thọ nhận. Nếu đời này không thọ, ngay chỗ không thọ ấy gọi là nghiệp hiện báo. Nếu hiện đời tạo nghiệp, đời kế tiếp đáng lẽ thọ báo, nếu không thọ thì ngay chỗ không thọ gọi là nghiệp sinh báo. Nếu hiện đời tạo nghiệp những đời sau đáng lẽ thọ báo, nếu đời sau không thọ thì ngay chỗ không thọ gọi là nghiệp hậu báo. Nếu hiện đời tạo nghiệp, trong ba thời gặp duyên liền thọ báo, không gặp không thọ báo gọi là nghiệp bất định.

* Hoặc chia làm tám, đối với bốn nghiệp trên, mỗi thứ quả báo có định và bất định, thành ra tám, tướng trạng thế nào?

* Nghiệp thuộc hiện đời, đời hiện tại quyết định chịu quả báo.

* Nghiệp thuộc hiện đời, đời hiện tại không nhất định thọ quả báo, gặp duyên liền thọ, không gặp thì không thọ.

* Nghiệp thuộc sinh báo, đời kế tiếp quyết định thọ quả báo.

* Nghiệp thuộc sinh báo, nhưng ở đời kế không nhất định thọ quả báo gặp duyên thì thọ, không gặp thì không thọ.

* Nghiệp thuộc hậu báo, đời về sau quyết định thọ quả báo không thể dời đổi.

* Nghiệp thuộc hậu báo, nhưng ở các đời sau không nhất định thọ báo, duyên đủ thì thọ, không đủ thì không thọ.

* Có nghiệp bất định thuộc về ba đời, trong ba đời quyết định thọ báo không hề sai chạy.

* Có nghiệp bất định thuộc về ba đời, nhưng trong ba đời không nhất định thọ báo, duyên đủ thì thọ, không đủ thì không thọ.

Trong tám thứ này, chia riêng về nghĩa có bốn, như trong kinh nói:

1. Thời nhất định mà quả báo không nhất định.
2. Quả báo nhất định mà thời không nhất định.
3. Thời và báo đều nhất định.
4. Thời và báo đều không nhất định.

Tướng trạng thế nào?

* Trong phần định nghiệp ba thời chia làm hai:

. Cả hai quyết định chịu Báo: Thời và báo đều nhất định.

. Chịu báo không nhất định: Thời nhất định, báo không nhất định.

Trong phần nghiệp ba thời không nhất định cũng chia làm hai:

. Nhất định chịu quả báo: Báo định, thời không nhất định.

. Không nhất định chịu quả báo: Thời và báo, cả hai không nhất định.

Tướng trạng như thế.

2. Nói về thể của nghiệp:

1. Nếu đối với quả báo ba thời để định thể của nghiệp, tướng này dễ chia: Tất cả những gì thọ nhận của nghiệp đời này gọi là hiện nghiệp. Những gì thọ nhận từ đời kế gọi là sinh nghiệp, những gì thọ nhận từ đời sau nữa gọi là hậu nghiệp.

2. Nếu theo bốn nghiệp để định về tướng, thì có hai loại:

a. Tùy tâm phân biệt: Mong cầu hiện báo gọi là hiện nghiệp; mong cầu sinh báo gọi là sinh nghiệp; mong cầu hậu báo gọi là hậu nghiệp. Tâm không kỳ hẹn mà tạo nghiệp thì gọi là bất định.

b. Tùy nghĩa phân biệt trên tướng nghiệp, như luận Thành Thật nói.

(1) Lợi nhưng không nặng: Là nghiệp hiện báo. Như đối với Phật và các bậc Thánh Hiền, cha mẹ... thường khởi các nghiệp thiện, ác; thường khởi các danh lợi, khởi nghiệp không đền ân gọi đó là nghiệp không nặng. Do tìm cầu trên cảnh ấy nên thường khởi các nghiệp thiện, ác nên chịu hiện báo. Nếu với các cảnh trên, có tâm nghiêng nặng về tạo nghiệp, quả báo này rộng lớn hiện đời không thể thọ báo. Cho nên ở đây phân biệt riêng, gọi nghiệp không nặng là nghiệp hiện báo.

Hỏi: Nếu nói lợi nhưng không nặng chịu hiện báo, thì phu nhân Mạt-lợi cúng Phật một bữa ăn liền được quả hiện tại, thì đâu cần đợi lợi ?

Đáp: Có lý do, lợi mà không nặng được hiện báo là nghiệp hiện báo mà được hiện quả. Y cứ trên nhân mà luận, không y cứ trên duyên. Phu nhân Mạt-lợi cúng Phật một bữa ăn mà được quả là theo tâm mà phân biệt, đó là nghiệp hiện báo, vì mong cầu quả báo hiện đời. Nếu đứng về nghiệp tướng để phân biệt bốn nghiệp, thì đó là nghiệp bất định được quả báo hiện tại mà chẳng phải nghiệp hiện báo, vì không cầu lợi. Chỉ vì làm duyên giúp cho báo nghiệp bất định ở quá khứ mà thọ quả hiện tại, không liên quan đến duyên sự.

(2) Nặng mà không lợi: Nghiệp sinh báo. Là đối với Phật, Thánh Hiền, cha mẹ gây ra năm tội nghịch. Đối với một cảnh mà tạo một hay nhiều tội nghịch gọi là không lợi. Với cảnh giới đó khởi sự trái hại, không phải tâm cực nặng thì quả báo không thể thành tựu nên nói là nặng. Quả báo này nặng không thể thọ trong đời hiện tại. Vì sao? Vì thân nhỏ ắt không có khổ lớn; vì mạng ngắn ngủi nên không có khổ nào lâu, cho nên hiện tại không bị quả báo nặng. Nghiệp năm tội nghịch đưa đến quả báo ngắn chưa tới những đời sau, nên chỉ thọ ở đời kế, gọi là sinh thọ.

(3) Vừa lợi vừa nặng: Là nghiệp hậu báo, Đó là nghiệp của các Bồ-tát Chuyển Luân Vương. Nghiệp ấy khó thành, không phải nhiều đời thì không thành tựu nên phải làm lợi ích; báo ấy khó được, chăm chút mới được nên phải nặng; do khó thành nên phải nhiều đời sau mới thọ.

(4) Không lợi không nặng: Là nghiệp bất định. Trong nghiệp này, hiện báo và nghiệp báo bất định, đều có thiện ác. Trong nghiệp sinh báo riêng nói về điều ác; trong nghiệp hậu báo riêng bày điều thiện. Bởi có sự ẩn hiện.

3- Phân biệt giới thứ:

Giới là ba cõi, thú có sáu đường.

1. Trước, phân biệt nghiệp theo ba cõi: Trong ba cõi, mỗi cõi đều khởi đủ bốn nghiệp, tương chung là như thế.

Nếu theo nhân địa để nói riêng thì có vô lượng. Nhân là hạng phàm, Bậc Thánh; địa là chín địa. Bắt đầu từ cõi Dục cho đến cõi Phi Tưởng, phàm phu ở trong chín địa ấy tùy sinh ở chỗ nào, nếu khiến phiền não chỗ ấy chưa hết, ở tại địa của mình khởi đủ bốn nghiệp. Nếu kiết sử chấm dứt:

* Ở tại cõi Dục hạng người chủng tánh lui sụt sẽ ở tự địa khởi đủ bốn nghiệp, vì họ có thể sinh trở lui ở tự địa, nên có sinh nghiệp. Ba nghiệp còn lại có thể tự biết. Nếu người bất thối, tại phần tự địa chỉ tạo ba nghiệp, trừ nghiệp sinh báo. Vì hạng người bất thối đời sau chắc chắn sẽ sinh lên cõi trên.

* Ở tám địa trên, khi kiết sử của mỗi địa chấm dứt, không kể hạng Chủng tánh có lui sụt hay không, ở tại địa vị của mình đều tạo ba nghiệp, trừ nghiệp sinh báo. Vì khi kiết sử chấm dứt ở địa này, thân kế tiếp chắc chắn sẽ sinh vào địa trên. Vì ở tất cả cõi trên đều không lui sụt nên lựa bỏ hạng lui sụt. Ở tự địa như thế. Đối với các địa trên, khi kiết sử chưa chấm dứt đều khởi đủ ba nghiệp, trừ nghiệp hiện báo, vì thân đang ở cõi dưới.

Thân ở cõi Dục, đối với cõi trên khi kiết sử đã chấm dứt, hàng chủng tánh lui sụt cũng khởi ba nghiệp, trừ nghiệp hiện báo vì thân đang ở cõi dưới. Hạng này đâu thể lui sụt cõi trên để sinh ở cõi mình được nên có sinh nghiệp. Nghĩa hậu báo và bất định cũng có thể tự hiểu. Nếu là người Chủng tánh bất thối chỉ tạo hai nghiệp, trừ hiện nghiệp và sinh nghiệp, trừ hai nghiệp này vì thân đang ở cõi dưới, trừ nghiệp hiện báo, vì hạng bất thối khi kiết sử ở cõi mình chấm dứt, thân kế chắc chắn sinh lên cõi trên.

Thân ở Sơ thiên trở lên đến Vô sở hữu, với các địa trên, khi phiền não chấm dứt, không kể người Chủng tánh thối hay bất thối đối với các địa trên đều khởi hai nghiệp là nghiệp hậu báo và nghiệp báo bất định. Vì thân ở cõi dưới không tạo hiện nghiệp, vì cõi trời không lui sụt nên thân kế tiếp tùy kiết sử chỗ nào hết liền sinh về chỗ đó, chỗ kiết sử không tạo sinh nghiệp.

Thân ở cõi trên không tạo nghiệp báo của các cõi dưới vì kiết sử ở cõi dưới đã chấm dứt.

Luận Tỳ-đàm nói như thế, nếu theo Luận Thành Thật thì thân phàm phu ở trong tất cả địa, ở tự địa bất luận kiết sử chấm dứt hay

không chấm dứt đều khởi bốn nghiệp. Ở các địa trên, chỗ được thiên định đều khởi đủ ba nghiệp trừ nghiệp hiện báo. Ở các địa dưới, cũng khởi ba nghiệp trừ nghiệp hiện báo. Vì tông này cho rằng nghiệp trong ba cõi được nương gá, vay mượn.

Nếu nói về Bạc Thánh, khi thân ở Nhị thiên, Tam thiên và Tứ thiên ở cõi Dục, chỉ khiến cho phiền não của tự địa chưa hết đều ở tự địa khởi đủ bốn nghiệp. Vì bốn địa này có nhiều chỗ sinh. Thân ở sơ thiên, ở trong tự địa phiền não chưa hết, chỉ tạo ba nghiệp, trừ nghiệp hậu báo. Vì sao? Vì cõi trời Sơ thiên tuy có ba chỗ mà chỉ có hai. Trời Phạm thân một chỗ, Trời Phạm phụ và Đại phạm đồng ở một chỗ, bạc Thánh không sinh trở lại một chỗ nên không có nghiệp hậu báo. Luận Tỳ-đàm nói như thế.

Nếu theo Kinh Hoa Nghiêm, Luận Đại Trí Độ v.v... thì sơ thiên có ba nơi ở cõi Tứ Thiên cho nên bạc Thánh trong Sơ thiên cũng khởi đủ bốn nghiệp.

Tất cả bạc Thánh, thân ở Bốn Không xứ, ở trong tự địa, phiền não chưa hết đều khởi hai nghiệp: Hiện báo và bất định báo. Nghiệp hiện báo là tùy thân mà thọ nên có hiện nghiệp. Nghiệp bất định hiện tại cũng thọ nên có bất định. Vì không nhiều nơi nên không có nghiệp sinh báo và hậu báo.

Tất cả bạc Hữu Học tùy chỗ ở, kiết sử ở tự địa chấm dứt. Trong tự địa ấy chỉ tạo ra hai nghiệp: Hiện báo và bất định báo. Vì ở tự địa không sinh trở lại nên không tạo nghiệp sinh báo và nghiệp hậu báo.

Hỏi: Phạm phu chủng tánh thối, ở trong tự địa phiền não tuy tận vẫn khởi bốn nghiệp. Bạc Thánh cũng có chủng tánh thối, vì sao không khởi đủ bốn nghiệp?

Đáp: Bạc Thánh tuy có lui sụt, nhưng không hề trải qua các đời nên không khởi đủ bốn nghiệp.

Bạc Thánh ở tự địa như thế. Tất cả Bạc Thánh tùy theo địa nào, chỗ sở đắc ở địa trên, nếu người được kiết sử chưa hết, đều khởi ba thứ nghiệp, trừ nghiệp hiện báo. Thân ở cõi Dục, với các địa trên chỗ kiết sử đã hết, hàng Chủng tánh lui sụt cũng khởi ba nghiệp: Trừ nghiệp hiện báo. Hàng chủng tánh lui sụt có thể sinh trở lại địa ấy. Hàng chủng tánh bất thối đối với địa trên chỗ kết sử đã hết chỉ tạo một nghiệp là nghiệp báo bất định, vì thân không ở đó nên không hiện nghiệp, lại vì chẳng sinh nên không có sinh báo và hậu báo.

Tất cả bạc Thánh, thân ở cõi Sơ thiên cho đến cõi Vô Sở Hữu, đối với các địa trên chỗ kiết sử chấm dứt, chỉ tạo một nghiệp bất định báo,

do sinh lên cõi trời nên không lui sụt. Vì sao bậc Thánh sinh ở cõi trời không lui sụt. Vì sao? Vì từ cõi Sắc trở lên không có duyên để lui sụt, nên đối với các địa dưới không hề tạo nghiệp.

Bậc Thánh hữu học thì như thế, người Vô học thì thế nào?

Người Vô học tạo hai thiện nghiệp: Hiện báo và bất định báo. Tuy không có văn làm chứng nhưng theo địa vị A-na-hàm tạo nghiệp thì có thể tự hiểu.

Luận Tỳ-đàm nói như thế. Theo Luận Thành Thật: Về phần này có nhiều nhà giải thích khác nhau.

Có người nói. Bậc Thánh không hề tạo nghiệp mới để thọ sinh. Dù cho có tạo cũng chỉ khởi nghiệp hiện báo và nghiệp bất định báo, không tạo hai nghiệp kia. Văn luận cũng tương tự, nên trong phẩm Tam Báo của Luận Thành Thật nói: “Bậc Thánh Vô Học không chứa nhóm các nghiệp, các Học nhân cũng vậy”. Tuy có lời này nhưng nghĩa khó hiểu. Vì sao? Có người ban đầu ở địa vị Kiến đạo trở xuống tu chứng được Sơ thiên, y theo Sơ thiên vào đạo Kiến đế, cho đến sau Na-hàm lại chứng được Nhị thiên, Tam thiên cho đến Phi Tưởng từ cõi này sinh lên cõi trên. Là Bậc Thánh tạo nghiệp thọ sinh, vì sao lại nói không tạo? Do chỗ khó hiểu này nên nay lại giải thích.

Bậc Thánh vô học đã không tạo Kiết sử thì còn gì mà phải diệt, muốn khẳng định cho là “diệt không sinh”, chữ “nhiên” cũng có nghĩa là cho v.v...

Bậc Thánh vô Học không hề tạo, còn Hữu Học thì không nhất định. Nếu kiết sử hết thì không hề tạo nghiệp mới cũng như A-la-hán kiết sử chưa hết thì có tạo nghiệp.

Hỏi: Bậc Thánh tạo nghiệp sinh, vì sao luận nói tất cả bậc Thánh tán hoại các nghiệp, không chứa nhóm, cho là diệt không sinh?

Đáp: Bậc Thánh kiết sử đã hết không nhóm, không tạo, chẳng phải còn kiết sử, cũng không tạo nghiệp. Trong phẩm Tam Báo của Luận Thành Thật có lời hỏi rằng: “Nếu người rời địa này, muốn trở lại, có thể tập khởi nghiệp của địa này chăng?” Luận giải thích rằng: “Nếu có tâm chấp ngã thì khởi lên lại, không có tâm chấp ngã thì không khởi lại”. Không có tâm chấp ngã là bậc Thánh. Bậc Thánh đối với chỗ ly dục mới không khởi lên. Nên biết người chưa ly dục thì có thể khởi.

Hỏi: Bậc Thánh tạo nghiệp, là tạo những nghiệp gì?

Trong đây lược dùng ba môn để phân biệt:

- a. Nói về tướng của hoặc.
- b. Phân biệt theo hoặc để nói về nghiệp.

c. Phân biệt theo địa.

a. Nói về tướng của hoặc: Tất cả bậc Thánh khi Tu đạo, chỗ hàng phục và dứt trừ phiền não khác nhau nên có bốn thứ:

(1) Chưa phục chưa dứt: Chưa được thiên bậc thượng để hàng phục phiền não bậc hạ gọi là chưa phục, chưa có Thánh tuệ dứt phiền não bậc hạ gọi là chưa dứt.

(2) Đã hàng phục đã dứt trừ: Đã được thiên bậc thượng, hàng phục phiền não bậc hạ là đã hàng phục, chưa có trí tuệ trừ diệt gọi là đã dứt.

(3) Đã hàng phục dứt được chút ít: Đã hàng phục giống như trước, đoạn trừ chút ít là như Tư-đà-hàm đã dứt sáu phẩm Tu hoặc ở cõi Dục, còn ba phẩm nhỏ nhiệm, gọi là dứt ít. Tất cả các địa đồng với nghĩa này.

(4) Đã hàng phục đã dứt: Đã hàng phục giống như trước, đã dứt là đã có Thánh tuệ, dứt trừ rốt ráo.

Bốn thứ này gồm chung cho các địa.

b. Đứng về nghĩa có hoặc, không hoặc, để nói nghiệp sinh khởi nhiều ít khác nhau.

Nên biết bậc Thánh ở chỗ chưa hàng phục, chưa dứt trừ khởi đủ bốn nghiệp, trong ấy nghiệp thiện có bốn, nghiệp bất thiện chỉ có hai là hiện báo và bất định báo. Bậc Thánh tuy tạo nghiệp ác nhưng chỉ khởi ý nghiệp, không phát thân, miệng. Ý nghiệp nhẹ không nặng nên chỉ tạo hiện báo và bất định báo, hai báo còn lại (sinh báo-hậu báo) hoàn toàn không có.

Đối với chỗ đã hàng phục chưa dứt trừ và chỗ dứt ít, chỉ tạo hiện báo và bất định báo trong nghiệp thiện, những thứ khác đều không khởi, với chỗ đã hàng phục đã dứt trừ, đều không tạo, giả sử có khởi cũng là tập khí không phải chánh nghiệp, không thể chiêu cảm quả báo được.

c. Nói theo địa vị: Theo tông này, bậc Thánh ở Nhị thiên, Tam thiên cõi Dục, Tứ thiên, phiền não chưa hết khởi đủ bốn nghiệp. Nếu đã dứt hết phiền não thì hoàn toàn không tạo. Nếu ở Sơ thiên phiền não chưa hết, khởi ba nghiệp, trừ hậu báo. Nếu đã hết thì hoàn toàn không tạo. Đối với các địa trên, kiết sử chưa hết, tạo ba nghiệp trừ nghiệp hiện báo. Chỗ kiết sử hết thì hoàn toàn không tạo. Đối với các địa dưới, hoàn toàn không làm không tạo. Luận Thành Thật nói như thế.

Trong pháp Đại Thừa, về nghiệp Phần Đoạn, người Chủng Tánh trở lên hoàn toàn không tạo. Nếu chia riêng thì bốn nghiệp về bất thiện người Chủng Tánh trở lên không tạo, nghiệp thiện trong cõi người, cõi

trời, hàng Sơ địa trở lên, hoàn toàn không tạo. Bồ-tát Địa tiền, dù có thọ thân cũng chỉ dùng bi nguyện thọ nghiệp cũ. Sơ địa trở lên đã được thân Pháp tánh, dù cho có thân tập khí nhỏ nhiệm của trời, người cũng là nghiệp cũ không phải mới tạo. Người Chủng Tánh trở lên vì không tạo nghiệp nên không cần đứng về giới địa mà luận bàn.

Người Chủng Tánh trở xuống, khi địa vị chưa thành tựu thì giống như phàm phu. Theo thật mà luận thì người Thập Tín trở lên cũng có thể không khởi nghiệp phần đoạn.

Bậc Thánh tạo nghiệp khác nhau như thế.

Hỏi: Có khi nào phiền não ở tự địa chưa hết mà tạo được nghiệp của địa trên hay không?

Đáp: Có nghĩa là khi phiền não ở cõi Dục chưa hết mà tu tập thành tựu thiên định Vị lai, thì có như thế. Thiên định Vị lai và Sơ thiên đồng được quả Phạm Thiên, cho nên gọi là Thượng nghiệp.

Hỏi: So với bốn nghiệp, nghiệp này thuộc về nghiệp nào?

Đáp: Nghĩa này không nhất định. Theo Luận A-tỳ-đàm thì phàm phu tu chứng được, sẽ có ba nghiệp trừ nghiệp hiện báo, bậc Thánh tu mà chứng được thì có hai nghiệp là sinh báo và bất định báo.

Tướng trạng ra sao?

Hoặc có phàm phu, ở cõi Dục chưa hết kiết sử tu được thiên Vị lai, được rồi lại dứt những kiết sử còn thừa, được định sơ thiên, người này qua đời dùng năng lực thiên Vị lai và Sơ thiên được sinh Phạm thiên, đó gọi là nghiệp sinh báo.

Hoặc có phàm phu, Dục ái chưa hết, tu được thiên Vị lai bèn ở cõi Dục trải qua các đời sau dứt các kiết sử dư sót, dùng năng lực thiên Vị Lai và Sơ thiên sinh về Phạm xứ, đây gọi là nghiệp hậu báo. Bất định thì có thể tự biết. Phàm phu như thế.

Vì sao bậc Thánh chỉ tạo hai nghiệp? Trong hàng thánh, về hai quả vị đầu dục ái chưa hết, được thiên Vị lai, vị này về sau dứt hết dục ái, dụng năng lực thiên Vị lai và Sơ thiên được sinh Phạm Xứ, đây là nghiệp sinh báo, Bất định có thể tự biết.

Vì sao không có nghiệp hậu báo? Bậc Thánh cõi Dục, trải qua các đời không hề sinh bậc trên không giống như phàm phu trải qua các đời mà trụ, cho nên không phải hậu báo. Lại thiên bậc hạ trong thiên Vị lai, dù cho sinh Phạm xứ, chỉ được báo một thân ở Sơ thiên thiên, không đến hai thân, cho nên không có hậu báo.

Nếu theo chuyện vua A-dục, bậc Thánh trải qua các đời trong cõi Dục cũng được thượng sinh, theo thuyết này thì bậc Thánh cũng dùng

thiện vị lai làm ba nghiệp báo, giống như phàm phu. Phân biệt cõi như thế.

2. Kế là phân biệt theo các đường.

Theo Luận A-tỳ-đàm: Bốn nghiệp bất thiện, trong năm đường đều khởi đủ; bốn nghiệp về thiện thì bốn đường trời, người, quỷ, súc đều khởi, trong địa ngục chỉ có ba thứ trừ nghiệp hiện báo. Trong địa ngục vì không có thiện báo nên tuy có ba nghiệp nhưng không hoạt động, nghĩa này khó hiểu. Như vua Tiên Dự giết Bà-la-môn, đọa vào địa ngục, phát khởi lòng tin bèn sinh vào nước Cam Lộ. Như đồng nữ Từ ở trong địa ngục phát khởi tâm từ bèn bỏ thân địa ngục. Như kinh Niết-bàn nói: Ma Vương dạy chúng sinh ở địa ngục chuyên niệm Như Lai, phát tâm từ hỷ bố thí, những vị ở địa ngục đều phát sinh thiện tâm, vì sao nói không có hoạt động?

Giải thích: Luận nói không có hoạt động của thiện, đó là nói theo phương tiện. Vì trong địa ngục không có văn, tư, tu nên nó không có hoạt động về thiện. Sinh được thiện căn chẳng phải không hoạt động, những việc nêu trên đều là sinh được thiện căn vậy.

Nếu theo Luận Thành Thật, bốn nghiệp về thiện ác đều khởi đủ trong năm đường, luận ấy nói vì ba đường đều có thiện báo.

4- Phân biệt nhân duyên:

Trong nghiệp hiện báo, nếu tạo tác một lần mà chịu quả báo, thì chỉ gọi là duyên không gọi là nhân, vì đây là hiện duyên giúp cho nghiệp báo bất định ở quá khứ được quả hiện tại. Nếu tạo tác nhiều mà được quả thì gọi là nhân, vì tạo nhiều mới gọi là nhân. Trong luận nói: “Lợi mà không nặng” là nghiệp hiện báo, vì hiện nghiệp rất khó được quả. Do tạo nhiều lần mới được làm nhân. Nếu nói về sinh báo, hậu báo, bất định báo thì tạo một lần hay tạo nhiều lần đều được gọi là nhân, cũng được gọi là duyên. Vì trải qua nhiều đời nghiệp kia thuận thực nên chịu quả dễ dàng. Trong đó, chỗ thân sinh gọi là nhân, trợ giúp bên ngoài gọi là duyên.

5. Nhận quả nhiều ít, mau và chậm:

Hỏi: Mấy nghiệp chịu một thân báo?

Tạp Tâm giải thích: Sinh, Hậu, Bất định, chịu quả báo một thân.

Nghiệp hiện báo chỉ chịu quả báo khổ, vui... không chịu một thân. Nhiều ít là như thế.

Về mau chậm:

Hỏi: Có khi nào niệm trước vừa tạo nghiệp, niệm sau liền chịu quả không?

Luận đáp: Không! Vì nghiệp chưa chín, phải trải qua nhiều thời gian mới chịu quả báo.

Báo nghiệp ba thời nói sơ như thế.

6. NGHIỆP SIỂM KHÚC, UẾ, TRƯỚC:

Nghiệp siểm khúc, uế, trước như Tỳ-đàm nói. Luận ấy nói rằng: Khúc (cong vạy) là từ siểm khúc (nịnh hót) khởi ra, uế (nhơ bẩn) sinh từ sân nhuế, dục phát khởi gọi là trước. Thế Tôn dạy rằng: Tâm siểm khúc không ngay thật khó ra khỏi sinh tử, khó vào Niết-bàn, cũng như cây cong khó kéo ra khỏi rừng rậm, nên gọi là khúc. Từ pháp cong vạy ấy phát ra ba nghiệp đều là cong vạy, vì là pháp nhân quả tương tự.

Tâm sân nhuế làm nhơ uế mình và người nên gọi là uế. Từ pháp uế khởi lên nghiệp thân, miệng và ý đều uế, vì quả tương tự nhân.

Tâm tham dục cấu bẩn và loạn động cũng như nước dơ nên gọi là trước, từ pháp trước khởi lên nghiệp thân, miệng, ý gọi là Trước.

Hỏi: Các kiết sử khác cũng có thể khởi nghiệp, vì sao không nói?

Đáp: Nay y cứ vào một môn mà nói, các kiết sử khác khởi nghiệp đều nằm trong ấy, cho nên không nói.

Nghiệp siểm khúc, uế, trước nói sơ lược như thế.

7. BỐN NGHIỆP HẮC BẠCH:

Chia làm hai môn:

1. Giải thích tên gọi:
2. Nói về tướng

1- Giải thích tên gọi:

Tên của bốn nghiệp. Nói chung các kinh về bốn nghiệp này là:

Nghiệp đen đen.

Nghiệp trắng trắng

Nghiệp đen trắng

Nghiệp chẳng phải đen, chẳng phải trắng.

1. Nghiệp đen đen: Là nghiệp bất thiện. Bất thiện ô uế, hèn hạ gọi là đen. Nhân và quả đều đen, gọi là nghiệp đen đen.

2. Nghiệp trắng trắng: Là nghiệp thiện. Pháp thiện trong sạch tươi tốt gọi là trắng. Nhân và quả đều trắng, gọi là nghiệp trắng trắng.

3. Nghiệp đen trắng: Là nghiệp tạp lẫn. Thiệt ác lẫn lộn gọi là nghiệp đen trắng.

4. Nghiệp chẳng phải đen chẳng phải trắng: Là nghiệp vô lậu. Như kinh Niết-bàn nói: Vô lậu vắng lặng là tướng đen trắng, nên gọi là chẳng phải đen chẳng phải trắng.

Hỏi: Vô lậu là trên hết trong nghiệp trắng, vì sao gọi là chẳng phải trắng?

Luận Thành Thật giải thích: Tất cả người đời quý trọng cái thiện hữu lậu, nên gọi thiện ấy là trắng. Vô lậu xả cả cái thiện đó nên gọi là chẳng phải trắng. Lại được quả Niết-bàn vắng lặng là tướng trắng. Vì theo chỗ sở đắc ấy nên gọi chẳng phải trắng. Lại nữa, nghiệp vô lậu là trên hết trong tất cả nghiệp trắng, vượt hơn các nghiệp trắng khác nên gọi là chẳng phải trắng. Như vua Chuyển Luân thật là người, vì cao quý đặc biệt nên thế gian đều gọi là vua Thánh Chuyển Luân, thanh tịnh hơn người. Vô lậu cũng vậy nên gọi là chẳng phải trắng.

Ngài Long Thọ giải thích: Nghiệp vô lậu tương ứng với không, vô tướng, vô tác, là tướng phân biệt, cho nên gọi là chẳng phải đen chẳng phải trắng. Lại nữa, nghiệp hữu lậu là đối đãi giữa đen và trắng, vô lậu là đối đãi nên gọi là nghiệp chẳng phải đen chẳng phải trắng.

2. Nói về tướng

Các luận giải thích khác nhau. Nếu theo Luận A-tỳ-đàm, nghiệp thiện ở cõi Sắc gọi là trắng trắng; tất cả nghiệp ác chịu khổ trong ba đường gọi là đen đen; quả báo riêng về nghiệp thiện trong chốn quý, sức sinh và các nghiệp thiện ác của tất cả trời, người trong cõi Dục gọi là nghiệp đen trắng, cũng gọi là tạp nghiệp. Ba nghiệp trên đây là đối với nghiệp vô lậu. Nghiệp vô lậu là nghiệp thứ tư.

Trong Tạp Tâm nói, nghiệp thiện trong cõi Sắc là nghiệp trắng có quả báo trắng.

Đen trắng trong cõi Dục: Đen đen nên nói bất định, nên biết nếu có trí tuệ cắt đứt các nghiệp này không còn thừa đó là nghiệp chẳng phải đen chẳng phải trắng thứ tư.

Hỏi: Vì sao nghiệp thiện trong cõi Sắc gọi riêng là trắng?

Đáp: Vì tướng trắng hiển hiện, vì là không hổ thẹn và sân nhuế.

Hỏi: Nghiệp thiện trong cõi Dục vì sao không phải trắng?

Đáp: Vì lẫn lộn nghiệp bất thiện.

Hỏi: Nghiệp thiện trong cõi Vô sắc, vì sao chẳng phải trắng?

Đáp: Đó thật là trắng, vì tướng trắng không hiển hiện cho nên

không nói.

Hỏi: Vì sao không hiển hiện?

Đáp: Vì khi tạo nhân không có đủ tướng ba nghiệp trong mười nghiệp thiện. Khi thọ báo chỉ có Sinh ấm mà không có Trung ấm. Lại trong sinh ấm chỉ có bốn ấm mà không có sắc ấm. Do những việc như thế, tướng trắng không đủ nên không gọi là trắng.

Hỏi: Vì sao tất cả nghiệp ác trong ba đường đều là đen đen?

Đáp: Vì nhân và quả của chúng một bề là đen.

Luận Thành Thật bác bỏ thuyết của A-tỳ-đàm rằng: Có người nói nghiệp thiện cõi Sắc là trắng trắng; nghiệp của ba đường là đen đen; nghiệp của trời người cõi Dục là đen trắng; mười bảy địa vị Học Tư là chẳng phải đen trắng. Nghĩa ấy không đúng. Theo đó mà nghiệm thì biết Luận Tỳ-đàm cho nghiệp ác của ba đường là đen đen.

Hỏi: Vì sao nói là nghiệp báo thiện riêng của ngạ quỷ, súc sinh là tạp nghiệp?

Đáp: Vì khi tạo nhân thì xen lẫn với ác, khi chịu quả thì xen lẫn với khổ, nên nói là Tạp.

Hỏi: Vì sao biệt báo nghiệp thiện chỉ riêng ở ngạ quỷ, súc sinh mà không chung với địa ngục?

Đáp: Địa ngục khổ nặng, nhân chiêu cảm chỉ là bất thiện; quỷ súc sinh nghiệp báo nhẹ, nhân chiêu cảm có được tạp thiện. Điều này làm sao biết? Như trong Tạp Tâm nói về hiện báo, sinh báo, hậu báo và bất định báo. Trong bốn nghiệp báo này, về thiện thì địa ngục có ba, trừ nghiệp hiện báo, vì trong địa ngục không có quả thiện. Còn bốn đường kia tạo đủ bốn nghiệp. Nên biết, quỷ, súc sinh có quả báo nghiệp thiện, vì chúng tạo được hiện báo về thiện. Lại như kinh nói: A-tu-la thọ báo như cõi trời thì rõ ràng có nghiệp thiện.

Hỏi: Nếu nói trong ngạ quỷ, súc sinh có nghiệp thiện, vì sao Luận Thành Thật bác bỏ quan điểm trong Luận Tỳ-đàm rằng: Có người cho rằng nghiệp ba đường là đen đen? nghiệp ác không hại nghiệp thiện, nếu có nghiệp thiện thì cũng đồng như Luận Thành Thật, các luận gia bên phái Thành Thật bác bỏ chỗ nào?

Đáp: Nếu đồng như Luận Thành Thật thì không bác bỏ. Trong đó có khác nên Thành Thật mới bác bỏ. Luận Thành Thật nói: Trong địa ngục khi vừa ra khỏi lửa cháy thì có cái vui thích được xúc chạm với băng lạnh và cái vui được làm lang sói ăn phẩm uế, tất cả điều đó đều là quả thiện. Luận Tỳ-đàm nói đó là báo bất thiện, là trái với quan điểm của Thành Thật, Thành Thật bác bỏ chỗ đó, không bác bỏ quả thiện.

Hỏi: Vì sao tất cả thiện ác của trời người đều là tạp nghiệp?

Đáp: Vì nhân tạp nên quả ác phải chịu tạp khổ.

Nghiệp thứ tư như luận ấy nói, có mười bảy địa vị Học tư vô lậu là nghiệp thứ tư. Tư là tâm sở tư. Đây là thể của nghiệp nên nói nghiêng về tư. Thế nào là mười bảy pháp? Như luận ấy nói có mười hai tư dứt bỏ nghiệp báo đen, bốn tư làm dứt báo trắng, một tư lia cả đen và trắng, cộng chung là mười bảy tư.

* Mười hai tư dứt nghiệp đen: Trong địa vị Kiến đạo có bốn tư, địa vị tu đạo có tám tư, chung lại là mười hai.

* Kiến đạo bốn là bốn pháp nhãn tương ứng với tư. Bốn pháp này chánh dứt nghiệp ác ba đường trong cõi Dục, nên nói dứt đen.

Hỏi: Thể của nhãn cũng dứt pháp ác, do nghĩa gì mà nói nghiêng về tư?

Đáp: Tâm nhãn không phải pháp dứt ác, nhưng tư là nghiệp, nay nói về nghiệp nên nói như vậy. Theo đó để nói thì nhãn v.v... là quyền thuộc của tư nghiệp cũng được gọi là Tư.

Hỏi: Tư nghiệp tương ứng pháp trí, vì sao không nói?

Đáp: Pháp trí thuộc về bên ngoài, khi chứng thì dứt trừ, không phải pháp chánh dứt nên không nói đến.

Hỏi: Tư tương ứng tử nhãn, vì sao không nói?

Đáp: Tử nhãn tương ứng tư là chỉ dứt tư hoặc vô ký của cõi trên, không dứt bất thiện cho nên không nói.

* Tu đạo tám là tu đạo trong cõi Dục đối trị có chín đạo vô ngại, chín đạo giải thoát. Trong chín vô ngại tám thứ đầu là vô ngại tương ứng tư. Tám thứ này chánh dứt nghiệp đen cõi Dục nên nói là dứt đen.

Hỏi: Luận Tỳ-đàm nói nghiệp ba đường là đen đen, trong phần kiến đạo dứt chỗ nào là nghiệp đen mà nói tám tư trong tu đạo dứt đen?

Đáp: Như trên giải thích, phạm phu y cứ vào kiến hoặc và tư hoặc khởi nghiệp ba đường. Phiền não của kiến hoặc do mê lý mà sinh nên chỉ phát khởi ý nghiệp. Phiền não của tu đạo do duyên theo sự mà khởi nên phát đủ ba nghiệp. Phiền não Kiến và Tư phát khởi ra ý nghiệp rồi, gá vào thân đã qua mà được, khi vào Thánh đạo thì đoạn dứt nghiệp đã có không để lệ thuộc gọi đó là dứt. Nghiệp từ kiến hoặc khởi, đoạn dứt trong địa vị kiến đạo, nghiệp từ Tu hoặc khởi đến địa vị chín vô ngại Tu đạo cõi Dục đoạn. Còn một phẩm thứ chín ở sau sẽ nói riêng, nên nói tám phẩm trước dứt nghiệp đen báo. Hai nghiệp thân và miệng khởi lên từ Tu hoặc, vì dứt từ đời và đoạn từng sát-na, vô đắc mà đắc. Chỉ vì

duyên Tu hoặc ràng buộc nghiệp ấy. Khi Tu hoặc dứt. Tu nghiệp thoát ràng buộc gọi đó là dứt. Đoạn số phẩm, tu hoặc phát khởi ý nghiệp, tương tự như vậy.

* Bốn tư có khả năng dứt trắng là phiền não tương ứng nhiệm tư của địa vị Tu đạo trong Tứ thiên đều ràng buộc nghiệp thiện của tự địa. Trong mỗi địa đều có chín phẩm vô ngại giải thoát đoạn dứt ràng buộc. Theo chín phẩm vô ngại trong Tứ Thiên ấy lấy phần chia tương ứng tư nghiệp thứ chín cho là bốn tư. Bốn tư này chánh đoạn ràng buộc nghiệp thiện ở trên Tứ thiên gọi là dứt trắng, không dứt thể của thiện.

Hỏi: Chín phẩm vô ngại tư của Bốn thiên đều có thể dứt trừ ràng buộc trên nghiệp thiện, vì sao chỉ nói riêng phẩm thứ chín là có khả năng dứt trắng?

Đáp: Tám phẩm trước chẳng phải không có năng lực dứt, chỉ vì chín phẩm tư nhiệm trong mỗi địa ở tứ thiên cộng với chỗ ràng buộc tất cả pháp thiện trong tự địa, thì tám phẩm trước ràng buộc nặng tuy đã dứt xong, một lớp ràng buộc của phẩm thứ chín cũng còn khiến cho tất cả pháp thiện của tự địa không được giải thoát, nên không gọi là dứt; khi vô ngại của phẩm thứ chín khởi, đoạn dứt tư nghiệp nhiệm ô vi tế của phẩm này, khiến tất cả pháp thiện trong tự địa đều được giải thoát, nên nói riêng là dứt trắng.

* Một tư lia cả hai là bên phẩm thứ chín, trong chín vô ngại tương ứng nghiệp tư của địa vị Tu đạo cõi Dục gọi là một. Tư này chánh là dứt phẩm vi tế thứ chín trong nghiệp đen đen, và dứt tất cả tạp nghiệp cõi Dục gọi là đều lia. Nên Tạp Tâm nói: “Dứt nghiệp đen đen và nghiệp đen trắng gọi là đều lia”. Trong nghiệp đen và tạp nghiệp ấy, dứt được thể bất thiện của ý nghiệp, còn tất cả bất thiện thuộc thân, miệng và tất cả pháp thiện trong tạp nghiệp, chỉ dứt ràng buộc không dứt được thể.

Hỏi: Tám phẩm vô ngại trước của cõi Dục chẳng những dứt nghiệp đen mà còn dứt tạp nghiệp, vì sao không gọi là đều lia?

Đáp: Khi tám phẩm trước dứt nghiệp đen, nghiệp ác trong tạp nghiệp theo khả năng cũng dứt, chỉ có ràng buộc trên tạp thiện chưa sạch, nên không thể nói dứt tạp nghiệp. Vì nghiệp thiện xen tạp ấy vẫn bị nghiệp đen vi tế của tự địa và nghiệp ác xen tạp ràng buộc.

Hỏi: Nếu nói ràng buộc về tạp thiện chưa sạch không được gọi là dứt tạp nghiệp, thì tám phần Vô ngại ở trước dứt nghiệp đen chưa hết, đáng lẽ cũng không được gọi là dứt nghiệp đen?

Đáp: Dứt thể của nghiệp ác gọi là dứt, vì dứt thể nên tùy chỗ dứt hết hay dứt từng phần cũng được gọi là dứt. Nghiệp thiện dứt ràng buộc

mà không đứt thể, vì thế chín phẩm bất thiện ở cõi Dục và tất cả pháp thiện ràng buộc cõi Dục, tám vô ngại trước tuy đứt tám ràng buộc về thiện, vẫn còn một ràng buộc thứ chín, vì còn ràng buộc nên tất cả pháp thiện chưa giải thoát, nên không gọi là đứt.

Hỏi: Nếu nói vì ác chỉ đứt thể nên tùy khả năng và toàn phần đều được gọi là đứt, tám nghĩa vô ngại trước cũng đứt tám phẩm nghiệp ác trong tạp, vì sao không nói là đứt tạp?

Đáp: Ác ấy là thiện cõi Dục hợp thành tạp nghiệp, tuy đứt tạp ác mà tạp thiện chưa hết nên không nói là đứt. Dụ như đầu, mặt, tay, chân v.v... hợp thành thân người, tuy chặt tay, chân vẫn không gọi là giết người. Ở đây cũng như thế.

Hỏi: Nếu nói khi tám tư trước chưa hết tạp thiện, tuy đứt tạp ác không gọi là đứt, thì trong nghiệp trắng tuy đứt ý nghiệp, nhưng thân, miệng chưa khỏi bị ràng buộc, vì sao gọi là đứt đen?

Đáp: Trong nghiệp ác kia, ý là chánh nghiệp, thân miệng là tùy nghiệp. Vì ý là chánh nên khi nghiệp thân miệng tám tư trước chưa ra khỏi ràng buộc, mà chánh nghiệp đã đứt trừ nên nói là đứt đen. Như người bị chặt đầu hoặc chặt ngang lưng, tay, chân dù còn vẫn gọi là bị giết. Trong tạp nghiệp tuy đứt ý nghiệp bất thiện, ý nghiệp thiện bị ràng buộc chưa thoát khỏi, nghiệp thiện ác của thân, miệng cũng chưa hết ràng buộc, nên không gọi là đứt.

Hỏi: Tư nghiệp vô lậu của cõi Vô sắc, vì sao không gọi là nghiệp vô lậu?

Đáp: Đúng lý cũng chung đồng, nhưng vì không phải là pháp đối trị của ba cái trước nên không nói đến. Luận Tỳ-đàm như thế.

Luận Thành Thật thì bốn nghiệp lại khác. Nghiệp cõi Sắc và Vô Sắc luôn luôn nghiệp trắng và nghiệp thuần thiện trong cõi Dục cũng gọi là trắng.

Nghiệp A-tỳ một bề là đen. Ngoài ra những nghiệp thuần khổ trong naga quỷ, súc sinh và các địa ngục khác cũng gọi là đen. Trời người cõi Dục nghiệp chẳng thuần vui, và cõi dưới nghiệp chẳng thuần khổ gọi chung là Tạp. Tất cả nghiệp vô lậu gọi chung là nghiệp chẳng phải đen chẳng phải trắng.

Nói riêng về Vô lậu, chỉ lấy Tâm sở tư làm thể của nghiệp nên phẩm Cửu Nghiệp của Luận Thành Thật nói: “Ý tư gọi là nghiệp”.

Luận Đại Trí Độ cho rằng: Nghiệp địa ngục và một số ít naga quỷ súc sinh là nghiệp đen. Luận tự giải thích là chúng sinh trong ấy khổ sở tột cùng nên gọi là đen. Tất cả nghiệp cõi trời thiên là nghiệp trắng.

Luận nói: Chỗ thọ báo vui của các vị trời trong ba cõi tự tại rõ ràng nên gọi là trắng. Nghiệp của người và Tu-la, tám bộ quỷ thần v.v... gọi là đen trắng lẫn lộn, vì những nghiệp này có thiện có ác, khi thọ báo khổ vui xen nhau. Tất cả vô lậu hay phá bất thiện và thiện hữu lậu, nhổ đứt quả thiện ác của chúng sinh gọi là chẳng phải đen chẳng phải trắng.

Trong Kinh Niết-bàn: Nghiệp của ba đường gọi là đen; nghiệp của hai cõi trên gọi là trắng; nghiệp của trời người trong cõi Dục là xen tạp, tất cả vô lậu là chẳng phải đen chẳng phải trắng.

8. NGHĨA NĂM TỘI NGHỊCH:

Chia làm bảy môn:

1. Giải thích tên gọi, nói về tướng.
2. Phân biệt ba nghiệp ba độc.
3. Phân biệt nặng nhẹ.
4. Thứ lớp Nhiều và Ít
5. Phân Biệt Nhân Xứ
6. Chịu Quả báo xa, gần
7. Phân biệt cùng tận và không cùng tận.

1- Giải thích tên gọi, nói về tướng:

1) Năm tội nghịch là: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp tăng. Năm loại này kinh gọi là Nghịch, cũng gọi là Vô gián. Vì sao gọi riêng là Nghịch? Vì chúng làm điều trái ân nghĩa, trái với ruộng phước. Giết cha, giết mẹ là bội ân nên gọi là Nghịch, ba điều còn lại là trái với ruộng phước nên gọi là Nghịch. Giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng là trái nghịch ruộng phước tăng, làm thân Phật chảy máu là trái nghịch ruộng phước của Phật

Hỏi: Tam bảo điều là ruộng phước, vì sao không nói trái với pháp?

Đáp: Phỉ báng pháp nặng hơn năm tội nghịch, nên không ghép vào năm tội nghịch, năm tội nghịch không ghép vào bốn tội trọng.

Hỏi: Năm điều này vì sao gọi là nghiệp không xen hở?

Đáp: Giải thích có bốn nghĩa:

a. Tiến tới quả không xen hở nên nói là Vô gián. Luận Thành Thật nói: “Bỏ thân này rồi thân tiếp liền thọ, nên gọi là Vô gián”.

b. Chịu khổ không gián đoạn. Năm tội nghịch đọa vào ngục A-tỳ. Trong một kiếp các khổ liên tục, không có một chút vui, nhân theo quả gọi là nghiệp không gián đoạn.

c. Thọ mạng không gián đoạn. Năm tội nghịch đọa vào địa ngục A-tỳ, trong một kiếp thọ mạng không dứt, nhân theo quả, nhân đó gọi là không gián đoạn.

d. Thân hình không gián đoạn. Năm tội nghịch đọa vào địa ngục A-tỳ, ngục này cao rộng tám mươi bốn ngàn do tuần. Một người vào đó thân cũng đầy khắp tất cả mọi người vào, thân cũng đầy khắp mà không chướng ngại nhau, nhân theo quả gọi là không gián đoạn.

Danh nghĩa như thế.

2) Nói về tướng. Bốn tội đầu, tướng rõ ràng có thể tự biết, tội phá tăng khó biết. Nay phải giải rộng về nghĩa phá tăng. Giải rộng có hai: Phá Yết-ma tăng và phá Pháp luân tăng, trong đây lại chia làm sáu:

a- Phá pháp.

b- Phá người.

c- Phá thời.

d- Phá xứ.

e- Phá tướng.

f- Phá tánh.

a. Phá pháp. Pháp có hai loại:

1- Tà. 2- Chánh.

Tà là năng phá, Chánh là sở phá. Trong chánh pháp giải thích rộng có ba:

(1) Chúng xuất gia đúng pháp: Có 101 Yết-ma. Người xuất gia tôn trọng không trái phạm mới được thành tăng, nếu không như thế thì không gọi là tăng, vì thế gọi là chúng xuất gia đúng pháp.

(2) Xuất gia hành pháp, là bốn y:

* Suốt đời ngồi dưới gốc cây

* Suốt đời mặc y phần tảo.

* Suốt đời khát thực

* Suốt đời nếu có bệnh thì uống thuốc người ta vất bỏ.

Thực hành đủ bốn pháp này mới gọi là xuất gia, mới gọi là Tăng, nếu không làm như vậy thì không gọi là Tăng. Vì những nghĩa ấy nên gọi là xuất gia hành pháp.

(3) Tùy hành biện pháp: Những người theo học các pháp như lễ bái, học hỏi, tụng kinh ngồi thiền niệm, định cho đến tu tập Thánh tuệ vô lậu đều không phải hạ xuất gia, không phải pháp người xuất gia kính mến, nên gọi là tùy hành biệt pháp.

Hai pháp (1) và (2) là Tăng pháp, là việc làm của người xuất gia. Pháp (3) là chung cho cả đạo tục, không riêng cho người xuất gia không

gọi là Tăng pháp. Trong Tăng pháp, pháp đầu (1) là Yết-ma tăng pháp, pháp thứ hai (2) là Pháp luân tăng pháp. Đúng là tăng, là chỗ bị phá, không phải tăng pháp thì không phải là chỗ bị phá.

Sở phá như thế, năng phá thế nào?

Trong phá Yết-ma không có pháp riêng, phá Pháp luân tăng thì dùng theo năm việc tà:

1- Khất thực. 2- Mặc y phần tảo. 3- Ngồi dưới gốc cây.

4- Không ăn sữa và muối. 5- Không ăn cá thịt.

Ba pháp đầu tương tự trong pháp của tăng, hai pháp sau là nói đối, dùng năm việc này trái trở trái với chánh pháp, nên gọi là phá.

Phá pháp là như thế.

Biết. Nói về phá người. Trong đây có ba:

1- Sở phá. 2- Năng phá. 3- Theo năng sở nói về nhiều ít.

(1) Sở phá. Có hai

* Yết-ma tăng: trong chúng xuất gia. Tỳ-kheo đã thọ giới cụ túc, từ bốn người trở lên, không kể phạm thánh, ở trong một phạm vi, thực hành 101 pháp Yết-ma đồng vâng giữ không trái gọi là Yết-ma tăng.

* Pháp luân tăng, chúng xuất gia bất luận phạm thánh đồng thực hành đúng pháp bốn y, theo chánh pháp Như Lai, hòa hợp không trái gọi là Pháp luân tăng.

Có người nói: Bốn chân đế là Pháp luân, người hiểu chân đế gọi là Pháp luân tăng. Nhưng bốn Đế là nghĩa Pháp luân trong Tùy người hành pháp riêng chẳng phải giới pháp luân tăng trong Tăng pháp. Nếu cho bốn Đế là Pháp luân thì Điều-đạt phá tăng đáng lẽ nói Năm đế lật ngược thành bốn Đế, vì đã nói Năm tà đối cho Bốn y. Nên biết bốn y là Pháp luân, nếu nói bậc Thánh hiểu được bốn Đế là Pháp luân tăng, thì bậc Thánh tại gia lẽ ra cũng gọi là Tăng. Vì họ không phải Tăng, nên biết không phải cho rằng người thể hội bốn Đế là Pháp luân tăng.

Bởi chỗ chấp của người đời quá sai lầm, nay dùng bốn trường hợp để phân biệt, cho dễ biết về tướng trạng ra sao.

* Pháp luân nhưng chẳng phải vô lậu: Nghĩa là người xuất gia phạm phụ vâng hành bốn y nên gọi là Pháp luân, chưa chứng Thánh đạo, nên chẳng phải vô lậu.

* Vô lậu nhưng chẳng phải Pháp luân: Nghĩa là người tại gia bậc Thánh, bên trong có thánh giải nên gọi là vô lậu, không thực hành bốn y nên chẳng phải pháp luân.

* Vô lậu cũng là Pháp luân: Nghĩa là người xuất gia bậc thánh, bên trong có Thánh giải nên gọi là vô lậu, vâng hành bốn y nên gọi là

Pháp luân.

* Chẳng phải vô lậu cũng chẳng phải Pháp Luân: Nghĩa là tại gia phàm phu, bên trong không có Thánh giải nên chẳng phải vô lậu, không theo bốn y nên chẳng phải Pháp luân.

Dùng đây để phân biệt về tướng riêng.

Trong hai tầng này, phá Yết-ma tầng chung cả phàm và Thánh, vì phàm trái Thánh cũng gọi là phá. Phá Pháp luân tầng chỉ ở phàm không phá Thánh, vì bậc Thánh thành tựu lòng tin không thể phá hoại.

(2) Năng phá:

Phá Yết-ma tầng, kiến, ái đều phá được. Pháp luân tầng hạn cuộc ở kiến hành, chỉ người lợi căn mới phá được. Lại phá Yết-ma tầng chung cả người tịnh hạnh và người phạm giới, trừ người phạm giới trọng, đều có thể phá. Phá Pháp luân tầng hạn cuộc ở bậc tịnh hạnh vì người phá giới không ai tin, không thể phá tăng. Nên Tạp Tâm nói: “Người thanh tịnh từ lâu mới phá tăng được”.

(3) Theo người năng phá ở phá để nói về nhiều ít:

Phá Yết-ma tầng, trong một giới hạn, ít nhất tám người được thành phá tăng, vì kia và đây thành chúng làm pháp riêng. Phá Pháp luân tầng ở trong giới hạn ít nhất chín người mới được thành phá. Vì sao phải đủ chín người? đúng chúng là bốn người đó là chỗ sở phá, tà chúng năm người đó là chỗ năng phá, cho nên cần có chín người. Trong tà chúng vì sao cần năm? Một mình Điều-đạt tự xưng là Phật, bốn người còn lại là chúng, nên phải là năm người.

Hỏi: Vì trong tà có Phật có chúng nên cần năm người thì trong chánh cũng có Phật có chúng, sao không nói mười mà nói chín?

Đáp: Trong chánh tuy là có Phật, Phật không thuộc về Tăng, cho nên không nói. Trong tà, Điều-đạt tuy tự xưng là Phật nhưng bản chất là Tăng, nên nói là năm. Lại khi chánh phá, Phật không có trong chúng, nếu Phật có mặt thì Tỳ-kheo Điều-đạt không có oai đức nên không thể phá tăng, nên không nói Phật.

Hỏi: Khi phá tăng Yết-ma, hai chúng ở hai nơi làm Yết-ma riêng nên cần phải nơi kia, nơi đây đều đủ chúng. Khi phá Pháp luân là chỉ phá hành pháp không quan hệ đến việc chúng, cần gì phải kia và đây đủ chúng?

Đáp: Có lý do. Người phá pháp luân cần phải Yết-ma hòa chúng chấp nhận, tà pháp mới thực hành, nên cần kia đây đều thành chúng.

Phá người như thế.

c. Nói về phá thời. Có hai:

1- Phá thời. 2- Thời lâu hay mau sau khi phá.

(1) Chánh phá thời, phá Yết-ma tăng thời gian lâu xa, từ Phật tại thế cho đến thời diệt pháp đều phá được. Phá Pháp luân tăng thời gian ngắn ngủi, chỉ thời Phật tại thế không tính đời sau.

Tạp Tâm chép: “Không kết giới tiền hậu, Mâu-ni bát Niết-bàn, ung nhọt chưa vỡ, không một đôi bậc nhất. Trong sáu thời này không phá Pháp luân”.

Sáu thời:

a- Không kết giới. b- Trước phá tăng. c- Sau phá tăng.

d- Mâu Ni nhập Niết-bàn. e- Ung nhọt chưa phát.

f- Không có một đôi đệ nhất.

Trong sáu thời này không thể phá Pháp luân.

* Không kết giới: Khi phá Pháp luân thì phải Yết-ma, Yết-ma nương trong giới nên không kết giới thì chẳng được gọi là phá tăng.

* Nói trước sau phá tăng là trước khi phá tăng và sau khi phá tăng, trong hai thời này chúng tăng một vị, không thể phá hoại nên gọi là không phá tăng.

* Đã Niết-bàn: Sau khi Phật Niết-bàn, vì không có thầy chánh cũng không có thầy tà nên không gọi là phá tăng.

* Ung nhọt chưa phát: Là Tỳ-kheo Điều-đạt khởi tư tưởng ác giới ác kiến, như mụn ghẻ ung nhọt. Khi ung nhọt chưa vỡ cũng không có phá tăng.

* Không có đôi bậc nhất: Hai vị Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên được nêu danh là một đôi bậc nhất trong các đệ tử. Khi chưa có hai vị thì không có phá tăng. Vì sao? Vì Điều-đạt thấy Phật có đệ tử giỏi bèn bắt chước nuôi đệ tử giỏi. Lại hai vị này có năng lực hòa hợp tăng, nên có hai vị này mới khởi phá tăng. Bởi do Phật lực, pháp lực, thiện căn lực của tất cả chúng sinh nên khiến như thế.

Hỏi: Khi Đức Thế Tôn chưa ra đời cũng không có phá tăng, vì sao không nói?

Đáp: Sáu thời không phá tăng, là nói về thời có tăng, khi Phật chưa xuất hiện vốn chưa có tăng biết, y cứ vào đâu mà nói là không phá, cho nên không nói vì sáu thời này không có pháp tăng gọi là ngắn ngủi.

Hỏi: Về hai thời trước và sau phá tăng. Một; ở thành Vương Xá, Tỳ-kheo Điều-đạt tuyên bố năm việc tà, phát thể hòa chúng, có năm trăm vị tăng mới học nhận thể. Hai; ở thành Già-da khi tăng chúng chia hai phe tác pháp riêng. Hai thời này, thời nào là chánh phá?

Đáp: Hai thời đều có nghĩa phá. Phát thể ở Vương Xá, phá về thời hành pháp. Bồ tát ở thành Già-da phá về thời chúng pháp. Hai thời ấy đều gọi là phá tăng.

Hỏi: Ở Già-da làm pháp bố tát riêng, là phá chúng pháp không liên hệ đến hành nghi, vì sao gọi là phá pháp luân?

Đáp: Kia làm Pháp Yết-ma chấp nhận tà quyết định, nên cũng gọi là phá pháp luân.

(2) Sau khi phá Tăng, trong thời gian lâu hoặc mau hòa hợp lại: Như trong kinh nói không đến một đêm, tăng hòa hợp lại. Do nhân gì mà hòa? Do Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Mục-kiền-liên dùng thần thông làm cho Điều-đạt ngủ say, rồi hiện thần thông cao siêu cảm hóa năm trăm Tỳ-kheo mới học khiến họ sinh lòng tin, Xá-lợi-phất giảng nói khiến họ sinh hiểu, trở về với chánh pháp, cho nên được hòa hợp.

d. Nói về phá xứ: Như trong luận nói phá Yết-ma tăng trong ba châu, trừ châu Uất-đơn-việt vì ở đây không có tăng. Phá pháp luân tăng chỉ ở tại cõi Diêm-phù, không ở tại các châu kia. Vì sao? Luận tự giải thích: Ở đây có chánh đạo nên có tà đạo, ở đây có chánh sư nên có tà sư, vì thế chỉ ở tại cõi Diêm-phù.

Lại phá Yết-ma cuộc hạn ở giới nội, chỗ bị tổn cũng ở giới nội, Phá Pháp luân thì chỗ bị phá cuộc hạn ở một giới nội, chỗ bị tổn khắp thế giới Tam thiên. Nên kinh luật nói, thế giới Tam thiên đáng học trong một thời không học, đáng tụng không tụng, đáng tập thiền định không tập thiền định, cho đến đáng vào vô lậu thánh đạo không được vào.

e. Nói về phá tướng:

Phá Yết-ma tăng, quan trọng là trong một giới của đại tăng, ít nhất là tám người chia làm hai chúng, mỗi chúng tự làm Yết-ma như pháp, mới gọi là phá tăng. Nếu một chỗ làm Yết-ma một chỗ không làm, đây chỉ gọi là biệt chúng Yết-ma, không thành phá tăng. Lại nếu hai chỗ cùng làm Yết-ma, nếu đem Yết-ma phi pháp cho là Pháp Yết-ma thì cũng không thành phá, vì chỗ tác không phải tăng pháp.

Phá Pháp luân tăng, cũng là người xuất gia đầy đủ giới ở trong một giới, ít nhất chín người, chánh chúng có bốn, tà chúng có năm, một mình Điều-đạt tự xưng là Đại Sư, truyền bá năm tà pháp, bốn người chấp nhận trái với chánh chúng, không cùng nhau tôn trọng pháp bốn y, gọi là phá Pháp luân. Có người giải thích rằng, bọn Điều-đạt năm người dạy cho chánh chúng, bốn người chánh theo tà mới gọi là phá tăng, nên cần chín người. Nghĩa này không đúng. Hóa chánh theo tà, chỗ tổn phá tăng không phải phá tăng. Nói là, vốn một hòa hợp nay chia hai hòa hợp

mới gọi là phá tăng, cùng phá Yết-ma đại khái tương tự.

Hỏi: Trước hết trong pháp phá Yết-ma, hai chúng đều làm Yết-ma như pháp mới gọi là phá tăng, trong pháp Pháp luân sao không như thế, một chánh một tà bèn gọi là phá?

Đáp: Hai cái khác không thể cùng loại, phá Yết-ma trước là trái tình nên phá chẳng phải trái pháp, nên không có pháp riêng. Phá Pháp luân là trái pháp. Nên phá nên lập pháp tà ngược lại với pháp chánh, gọi là phá.

f. Nói về phá tánh: Phá tánh nào của tăng? Nếu nói về tội phá, đó là tánh bất thiện của miệng nghiệp. Nếu nói về chỗ phá, đó là tánh bất hòa hợp. Tánh bất hòa hợp là tướng hoại thứ tư trong bốn tướng, là vô ký tánh bất ẩn một trong ba tánh.

Phá tăng như thế. Trong phá tăng này, phá Yết-ma tăng là tội nhẹ chẳng phải năm tội nghịch, phá Pháp luân tăng tội nặng là một trong năm tội nghịch.

2- Phân biệt ba nghiệp, ba độ:

1. Ba Nghiệp. Trong năm tội nghịch: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu thuộc về thân nghiệp. Tội phá tăng là miệng nghiệp.

2. Ba Độc: Bốn tội trước là từ tâm sân khởi, một tội phá tăng là từ tâm tham lam ganh ghét phát ra do tâm ganh ghét tham danh nên phá hoại tăng luân.

3- Nói về nặng và nhẹ:

Giết cha là nhẹ, giết mẹ là nặng tiếp theo, giết A-la-hán nặng hơn, làm thân Phật chảy máu càng nặng hơn nữa, phá tăng là nặng nhất. Luận Thành Thật nói: “Tội phá tăng rất nặng, vì sao? Vì chia rẽ Tam bảo, khiến tăng lìa Phật cũng chướng ngại Pháp bảo. Lại đối với Phật mà khởi tâm ganh tỵ, trái với sự chuyển vận chánh pháp, lại làm nhiễu loạn đại chúng, người đáng vào bậc Thánh thì không được vào Thánh, tất cả những việc như ngồi thiền, học vấn, đọc tụng, lễ bái đều không thực hiện được, vì thế nên tội này rất nặng.

4- Nói về nghĩa nhiều ít thứ lớp trước sau :

Nói về nhiều ít, một người nhiều ít tạo bao nhiêu nghiệp? Nếu nói về khi Phật tại thế, tạo đủ năm nghiệp, trước gây tội phá tăng, sau tạo bốn tội nghịch kia. Nếu đã xa cách Phật thì nhiều nhất là tạo ba tội; giết

cha, mẹ và giết A-la-hán.

Hỏi: Trước nói một người bất quá là hai, ba tội, nay sao lại nói tào đủ cả năm?

Đáp: Về lý thì có thể đủ, nói theo người thì không quá hai, ba.

Nói về thứ lớp, bốn tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu không cần thứ lớp, tùy theo tội nào trước thì tào trước, nếu đem tội phá tăng mà tính so với các tội kia, thì tội phá tăng đứng trước vì người thanh tịnh lâu mới có thể phá tăng. Nếu trước đã giết cha, mẹ và A-la-hán, mọi người không tin theo thì làm sao phá tăng được. Nếu so tội phá tăng với tội làm thân Phật chảy máu thì thứ lớp không đồng. Nếu theo Tạp Tâm thì phải phá tăng trước, sau mới làm thân Phật chảy máu, vì người thanh tịnh mới phá tăng được. Trong luật Tứ Phần thì trước nói làm thân Phật chảy máu sau mới phá tăng. Luật ấy nói thế nào? Đề-bà-bạt-đa trước bảo vua A-xà-thế giết cha, tự mình sẽ giết Phật, vì muốn làm vua mới, Phật mới hóa độ cõi đời. Hại Phật trước rồi, vì hại Phật nên tiếng ác đồn xa, lợi dưỡng bị dứt, năm người phải đi khát thực từng nhà, do đó liền khởi tâm phá tăng, bèn tào tội phá tăng, nên biết phá tăng nhất định là sau.

Hai thuyết như thế đều là thánh ngôn khó phân đúng sai. Nếu muốn dung hội thì theo luật là đúng. Về mặt tối sơ vì tội làm thân Phật chảy máu không phạm nên phá tăng được. Theo Tạp Tâm, đứng về mặt sau là lời phòng ngại, trước phá tăng sau mới làm thân Phật chảy máu, nếu trước làm thân Phật chảy máu thì không thể gọi là phá tăng.

5- Phân biệt người và nơi chốn :

1. Đứng về người, theo Tạp Tâm chỉ nam và nữ mới có khả năng gây ra tội nghịch, không phải người thì không thành tội nghịch. Trong năm nghịch về tội phá tăng, hạn cuộc ở nam nữ không chung cho nam nữ. Luận Thành Thật không có văn nói về việc này, theo luận ấy nói về luật nghi bảy điều ác, kẻ bất nam, v.v... đều có nghĩa thành, năm tội nghịch cũng thế, ở trong phá tăng chỉ có người nam. Những điều khác chung cả nam và nữ, kẻ bất nam cũng có thể khởi tội.

2. Đứng về nơi chốn là ba cõi, năm đường. Trong ba cõi, cõi Dục khởi được cõi trên không thể khởi. Trong năm đường thì cõi người là hay khởi. Trong loài người, tội phá tăng và làm thân Phật ra máu chỉ hạn cuộc chỉ ở cõi Diêm-phù, ba tội còn lại chung cho ba châu, trừ châu Uất-đơn-việt.

6- Thời gian thọ báo lâu mau:

Năm tội nghịch nếu có gây, thọ báo một kiếp ở địa ngục A-tỳ.

Hỏi: Có người gây đủ năm tội ngũ nghịch, người này là trong một kiếp thọ đủ năm báo hay thọ trước sau?

Đáp: Như trong Kinh A-hàm nói: Đồng ở một kiếp, lửa đốt có nhiều ít. Kinh Niết-bàn cũng nói như vậy. Nếu theo Luận Tỳ-đàm, đủ năm tội nghịch thọ báo năm kiếp, không ở một thời. Luận Thành Thật cũng nói như thế. Luận ấy nói: Vì là tội nặng nên chịu khổ lớn lâu dài, trong đó chết rồi lại sinh, nếu kiếp này hết lại sinh vào địa ngục A-tỳ của phương khác.

Hỏi: Năm nghịch là tội sinh báo, thân đời kế thọ là sinh nghiệp, còn trong những kiếp sau nữa thọ báo là hậu nghiệp, sao gọi là nghiệp sinh báo?

Đáp: Tội nặng nên báo phần cùng sắp bày, cho nên không phải vô lý, nếu không có tội nghịch thứ nhất thì không đến kiếp sau, như thế vẫn gọi là nghiệp sinh báo.

7- Năm tội nghịch có thể hết hay không:

Năm tội nghịch là nghiệp định báo, dù có tu để đối trị chỉ có thể làm cho tội nhẹ, không thể khiến cho hết. Thành Thật nói: Năm tội nghịch chỉ có thể khiến diệt, không thể khiến cho dứt hết, như trong pháp vua có người phạm tội nặng, chỉ có thể xin giảm nhẹ, không thể tha bổng. Như lỗi giết cha của vua A-xà-thế, khi sám hối Chư Phật, Như Lai chỉ nói, tội nặng của vua A-xà-thế giảm nhẹ, không nói diệt tận.

9. NGHĨA SÁU NGHIỆP:

Nghĩa của sáu nghiệp, như luận Thành Thật nói, đó là nghiệp địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trời, người và nghiệp bất định.

* Nghiệp trong ba đường: Như kinh nói, mười nghiệp bất thiện: Bạc thượng đọa địa ngục, Bạc trung đọa súc sinh, Bạc hạ đọa ngạ quỷ. Lại như thân, miệng, ý đều bất thiện đọa địa ngục, đủ hai tội trọng đọa súc sinh, đủ hai tội khinh đọa ngạ quỷ. Như trong phẩm Sáu Nghiệp của luận Thành Thật phân biệt có vô lượng, không thể nói cho đủ.

* Nghiệp người và trời: Về nghiệp tán thiện: Bạc hạ sinh trong loài người, tán thiện bạc thượng sinh lên cõi trời Dục, nghiệp tám bạc thiện định sinh lên cõi Sắc và Vô Sắc.

* Nghiệp bất định: Như trong luận nói, thiện mỏng ác nhẹ gọi là nghiệp bất định, nghiệp thiện chút ít chịu báo trong ba đường, hoặc thọ

báo trong người, trời ở cõi Dục, nên nói bất định. Ác bậc hạ cũng như thế.

Hỏi: Ba đường không có quả của nghiệp thiện, vì sao thiện bậc hạ phải thọ báo trong ba đường?

Đáp: Các Luận giải thích khác nhau. Theo Luận Tỳ-đàm: Trong địa ngục hoàn toàn không có quả thiện, trong ngạ quỷ, súc sinh có ít phần; theo Luận Thành Thật: Ba đường ác bậc hạ đều có quả thiện.

10. BẢY LUẬT NGHI BẤT THIỆN:

Chia làm năm môn:

1. Giải thích tên gọi, nói về tướng
2. Khai Hợp Rộng Hẹp
3. Phân Biệt Đối trị
4. Thành Tựu Được Và Xả.
5. Phân Biệt Hình thú.

1- Giải thích tên gọi, nói về tướng:

Luật nghi bất thiện là pháp vô tác ác. Pháp ác trái tổn gọi là bất thiện. Pháp cấm ngăn gọi là luật, luật cũng là pháp. Làm ác thuận theo pháp gọi là nghi.

Hỏi: Pháp ác cấm ngăn điều gì?

Đáp: Cấm ngăn điều lành gọi chung là cấm.

Luật nghi khác nhau, một môn nói có bảy: sát, đạo, dâm, nói dối, nói hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt. Tướng trạng ra sao?

Như trong luận nói:

* Luật nghi sát như giết trâu, giết dê, giết chó, thợ săn bắt, chài lưới, làm giò nem, nuôi heo, gà, bắt cá, bắt chim, chú long v.v..., tất cả như thế là luật nghi sát.

Hỏi: Nuôi heo, gà... đều không phải giết, sao gọi là luật nghi sát sinh?

Đáp: Nuôi để giết nên xếp chung vào sát.

* Luật nghi trộm như ăn cướp để nuôi mạng sống.

* Luật nghi dâm như trong luận nói: Hành dâm phi đạo và dâm nữ.

* Luật nghi nói dối, luận nói như thường tập ca, múa, hí kịch.

* Luật nghi nói hai lưỡi như thích sàm báng, thích đọc loại sách dèm pha việc nước

* Luật nghi ác khẩu, luận nói về ngục tốt và người ác khẩu để

nuôi sống

* Luật nghi thêu dệt, thường gom góp các ngôn từ bất chánh khiến người cười vui.

2. Khai hợp:

* Tóm chung chỉ có một.

* Đây đủ hơn thì chia làm hai: Trước là ba nghiệp thân, sau là bốn nghiệp miệng.

* Phân tích lại có bảy như trên đã nói.

* Phân biệt theo nhân có hai mươi mốt, bảy loại trên tùy theo ba phẩm thượng trung hạ từ tâm phát ra, hợp lại có hai mươi mốt.

* Y cứ về hoặc, phân biệt có sáu mươi ba, hai mươi mốt thứ trên đây tùy theo ba phiền não tham sân si khởi lên, cho nên hợp chung có sáu mươi ba.

Hỏi: Có người ban đầu từ tâm bậc hạ được luật nghi ác, sau lại do tâm bậc trung và thượng khởi, có được chăng?

Đáp: Luận giải thích khác nhau, nếu theo Luận Tỳ-đàm, một lần được rồi, sau không hề được khởi lại, nghĩa này tương tự như luật nghi thiện. Nếu theo Luận Thành Thật, tùy theo tâm nào khởi thì niệm niệm liền được.

Hỏi: Có người trong tham bị luật nghi ác, người này về sau lại từ sân, si khởi lên bất thiện, lại được chăng?

Đáp: Luận giải thích khác nhau, xem như câu trên có thể tự hiểu.

3. Đối Cảnh mà nói:

Hỏi: Do nhìn theo chỗ bị giết, bị trộm, bị dâm v.v..., ấy mà phát khởi luật nghi, hay ở bên tất cả chúng sinh mà được?

Đáp: Bên tất cả chúng sinh được. Nếu nhìn theo cảnh riêng thì chỉ được là bất thiện, không gọi là luật nghi. Vì luật nghi kia là loại chung. Vì do loại chung nên giết một chúng sinh có hai tội vô tác. Một là nghiệp ác vô tác, hai là luật nghi vô tác. Còn nhìn theo các chúng sinh khác, chỉ được một thứ luật nghi vô tác.

Hỏi: Đã biết luật nghi bất thiện chung cho tất cả chúng sinh, là đối với bên chúng sinh hiện tại được, hay chúng sinh ở quá khứ vị lai cũng được?

Đáp: Luận giải thích khác nhau, nếu theo Luận Tỳ-đàm, chỉ ở bên chúng sinh hiện tại được. Vì quá khứ, vị lai không thể giết. Nếu theo Luận Thành Thật, chung cho cả chúng sinh ba đời đều được, vì ba đời

đều khởi tâm ác được.

4. Nói về thành tựu được và xả:

1. Trước nói về được:

Theo Luận Tỳ-đàm có hai thứ được: Một là khi làm được, hai khi thọ sự được.

Nói khi làm được là như có người sinh trong nhà giết mổ, trước khi chưa sát, chưa được luật nghi, sau khi vừa giết thì được luật nghi ác cho đến suốt đời không được luật nghi mới.

Nói thọ khi sự là, như có người không sinh trong nhà giết mổ mà nói rằng: “Tôi sẽ suốt đời sát sinh để kiếm sống”. Lúc ấy liền được luật nghi bất thiện, cho đến suốt đời không có được luật nghi mới, trộm cướp cũng giống như thế.

Nếu theo Luận Thành Thật, tùy theo lúc làm ác, niệm niệm điều được luật nghi bất thiện, không hạn cuộc hai thứ trên.

Hỏi: Bấy thứ, làm đủ thọ đủ mới được luật nghi phải không?

Đáp: Không đủ cũng được. Luận Tỳ-bà-sa nói: “Đây đủ mới được, nếu không đủ thì không gọi là luật nghi”. Các Luận Tỳ-đàm, Luận Thành Thật nói không đủ cũng được. Luận Thành Thật nói: “Hoặc đủ hay không đủ đều được luật nghi”. Tạp Tâm nói: “Không thể nói là được thân luật nghi, chẳng phải miệng luật nghi”. Nên biết là không đủ.

2. Nói về xả: Theo Luận Tỳ-đàm: Có bốn thời xả; 1. Thọ giới thiện, 2. Mạng chung, 3. Đắc các thiền, 4. Sinh hai hình. Nếu có chúng sinh phát tâm thiện sâu, phát tâm dứt hẳn mà không thọ giới đều không được xả. Trong Luận Thành Thật có ba thời xả: Một là thọ giới, hai là chết, ba là phát tâm thiện sâu. Ba thời này không làm ác. Trong ba thời này khi chứng đắc thiền thì xả luật nghi ác. Các Luận không nói đến. Luận nói khi sinh hai hình không xả. Nên luận cho rằng: “Người bất nam cũng được luật nghi, vì sao nhị hình lại xả luật nghi?”.

Hỏi: Có người khi thọ tám giới, xả luật nghi ác, đến sáng sớm hôm sau xả tám giới rồi có được lại luật nghi ấy chăng?

Đáp: Có người nói được, lại có người nói khi thọ tám giới xả luật nghi ác, được luật nghi thiện, đến sáng ngày sau xả luật nghi thiện cũng lại không được bất thiện luật nghi vì không có sự tác và sự thọ.

2. Kế nói về thành tựu:

Hỏi: Thời nào thành tựu ác luật nghi?

Đáp: Theo Luận Thành Thật, tương lai chưa đến, trong thời hiện tại niệm niệm thành tựu, vì luật nghi ác niệm niệm sinh khởi, quá khứ

vị lai không thành. Theo như Luận Tỳ-đàm trong một niệm tối sơ ở hiện tại thành tựu, sau niệm thứ hai nếu vị lai sẽ xả. Niệm niệm trong hiện tại thành tựu, và thành ở quá khứ, vì không phải tâm pháp nên không chung với vị lai.

5- Theo hình thức để phân biệt tướng:

Thú là năm thú. Trong năm thú chỉ có người thành tựu. Vì trong các thú kia chỉ có nghiệp đạo không có luật nghi ác. Luận Thành Thật nói chỉ có người thành tựu. Luận Tỳ-đàm cũng thế.

Hỏi: Luân Thành Thật nói: Loài rồng được luật nghi thiện, vì sao không được luật nghi ác?

Đáp: Vì luật nghi thiện từ thấy mà thọ, vì duyên mạnh nên được, ác thì không như thế, cho nên không được.

Về hình tướng ra sao?

Theo Luận Tỳ-đàm, cả nam, nữ và hai hình đều được luật nghi ác, những loại khác không được. Theo Luận Thành Thật, hạng bất nam cũng được.

11. NGHĨA TÁM THỨ NGÔN NGỮ:

Tám thứ ngôn ngữ là có thấy, nghe, hiểu, biết mà nói không thấy, không nghe, không hiểu, không biết. Tướng trạng thế nào? Nay trước nói về sự khác nhau của bốn thứ thấy, nghe, hiểu, biết; sau nói về sự phát ngữ khác nhau của thấy nghe...

a. Thấy Nghe Hiểu Biết, phân biệt có ba:

1. Phân biệt theo căn: Như Luận Tỳ-đàm nói, tùy nhãn thức sinh thấy, tùy nhĩ thức sinh nghe. Mũi lưỡi và thân, cần trần cảnh chạm đến mới có hợp biết gọi là hiểu, ý thức gọi là biết.

2. Phân biệt theo cảnh: Như Luận Thành Thật nói: Tâm của sáu thức nhận được cảnh hiện tại gọi là thấy. Luận nói rằng: “Thấy là tin vào hiện tại”. Không có cảnh giới hiện tại, nhờ dạy bảo mà biết gọi là nghe. Luận nói: “Nghe là tin vào lời của Thánh hiền”. Đối với cảnh giới không thấy, không nghe; nương vào thấy, nghe trước, thí dụ, so sánh mà hiểu thì gọi là hiểu. Luận nói: “hiểu là so sánh hiểu”. Ba tâm trước như vậy; còn một tâm sau, phân biệt gọi là biết. Sao gọi là phân biệt: Trước thấy nhân rồi, sau tư duy một lần nữa khởi lên tưởng thấy, hoặc quên cái thấy trước, khởi lên cái tưởng chẳng thấy. Như thế là trước thấy sau biết. Nghe và hiểu rồi biết, giống như thế. Nhưng tâm biết này, chẳng phải chỉ theo chỗ thấy nghe và hiểu rồi mới biết ba tâm sau cũng từ chỗ

không thấy, không nghe, không hiểu mới khởi lên. Như trước không thấy, sau quên chỗ không thấy bèn sinh tưởng thấy, đó là chỗ không thấy rồi sau biết, không nghe, không hiểu rồi sinh biết cũng vậy.

3. Theo bốn tâm phân biệt tùy nghĩa: Thức tâm gọi là thấy vì được hiện cảnh. Tưởng tâm gọi là nghe vì cảnh không hiện. Lại tưởng tâm biết với giả danh nên gọi là nghe, tâm thọ gọi là hiểu vì hiểu sự trái, thuận; tâm hành gọi là biết vì cố gắng phân biệt.

b. Kế là nói về thấy phát lời nói khác nhau:

Tóm tắt thì có tám, nói rộng thì rất nhiều. Tưởng rộng thế nào? Theo Luận Tỳ-đàm; thấy v.v..., phát ra ba mươi hai lời nói khác nhau: Mười sáu chánh ngữ và mười sáu tà ngữ nên hợp chung là ba mươi hai.

1. Mười sáu chánh ngữ là: tâm cảnh đều thật có tám ngôn ngữ, cảnh hư tâm thật có tám ngôn ngữ, nên có mười sáu.

Tâm, cảnh thật là:

(1) Có người thật thấy cũng sinh tưởng là thật thấy, người khác hỏi rằng có “thấy chăng?” Đáp: “thấy”. Nghe, hiểu, biết cũng giống như thế, như vậy là bốn.

(2) Có người thật không thấy, sinh tưởng không thấy, người khác hỏi: “thấy chăng”, đáp: “không thấy”. Nghe, hiểu, biết cũng giống như thế, cộng lại là bốn. Chung với bốn cái trước thành ra tám cái thật.

c. Cảnh hư tâm thật. Tám thứ ngôn ngữ là:

(1) Có người thật không thấy, sau quên chỗ không thấy bèn sinh tưởng thấy. Người khác hỏi “Thấy chăng?”, đáp: “Thật thấy!”, cảnh tuy hư nhưng tâm thật nên gọi là thật ngữ. Nghe, hiểu, biết, v.v... cũng tương tự, tức là bốn.

(2) Có người thật thấy sau quên chỗ thấy sinh ý tưởng không thấy. Người khác hỏi “có thấy chăng?” đáp: “Không thấy”, tuy không đúng sự thật nhưng do tâm thật nên cũng gọi là thật ngữ. Nghe, hiểu, biết, v.v... cũng giống như thế. Bốn loại này chung với bốn trường hợp trên là tám.

Mười sáu câu này là chánh ngữ.

2. Mười sáu tà ngữ là, tâm cảnh đều dối, có tám câu; cảnh thật tâm dối lại có tám câu, cộng lại là mười sáu câu.

a. Tâm cảnh đều dối; tám câu:

(1) Có người thật thấy, sinh tưởng thấy, người khác hỏi “Có thấy chăng” đáp “Không thấy”. Nghe, hiểu, biết, v.v... cũng giống như thế, tức là bốn trường hợp.

(2) Có người thật không thấy, thì nghĩ là không thấy, người khác hỏi: “Có thấy chăng?” đáp: “Chẳng thấy”. Tuy tương đương việc trước, nhưng do tâm, cảnh đối nên cũng là nói dối. Nghe, hiểu, biết cũng giống như thế. Bốn loại này và bốn loại trước thành tám, tám trường hợp tâm, cảnh đều đối: Có người thật thấy, sau quên cái thấy ấy, liền nghĩ không thấy. Khi người khác hỏi: “Có thấy không?”, liền đáp: “Thật thấy”. Tuy tương đương với việc trước nhưng do tâm đối nên cũng gọi là nói dối. Nghe, hiểu, biết cũng giống như thế. Đây là bốn. Thật không thấy mà sau quên liền nghĩ có thấy. Khi người khác hỏi: “Có thấy không” liền nói: “Không thấy”. Tuy đúng với sự việc trước, nhưng tâm đối nên cũng gọi là vọng ngữ, nghe như vậy, cùng tám thứ trước cộng thành mười sáu.

Luận Thành Thật nói về chỗ thấy phát lời nói khác nhau, giải thích khác nhau. Có người giải thích: Thấy, nghe và hiểu, ba việc này là gốc mỗi cái phát lời nói riêng. Biết là một lần tâm phân biệt sau, ba cái trước không có chỗ biết riêng, không có lời riêng. Nếu theo đây thì lời nói ra chỉ có hai mươi bốn. Trong thấy có tám là bốn chánh, bốn tà, nghe và hiểu cũng thế, gồm lại là hai mươi bốn. Ở trong đây nói đủ, không khác với trước. Xét theo Luận Thành Thật, hiểu cũng phát ra lời làm sao biết? Như trong tám lời nói trong Luận Thành Thật, nói về thấy phát lời khác nhau đã xong; nghe, hiểu, biết cũng giống như thế. Trong luận đã cho nghe, hiểu, biết đồng với tâm thấy, nên biết tâm hiểu cũng phát lời riêng. Nếu theo nghĩa này, cũng phát ra ba mươi hai lời tương tự với trên .

Hỏi: Tâm hiểu làm sao phát ra lời?

Đáp: Có người từ trước từng có tâm hiểu, cũng sinh tưởng hiểu, người khác hỏi “hiểu không?” đáp “thật hiểu”. Đây là trường hợp thứ nhất. Có người từ trước không khởi tâm hiểu, sinh tưởng không hiểu, người khác hỏi: “hiểu không?” đáp “không hiểu”, đây là trường hợp thứ hai. Có người từ trước có khởi tâm hiểu, sau quên chỗ hiểu nghĩ là không hiểu, người khác hỏi “hiểu không?” đáp “không hiểu”, tuy trái với cái hiểu trước nhưng không trái với tưởng của mình, cũng là thật ngữ, đây là trường hợp thứ ba. Có người từ trước không khởi tâm hiểu, sau quên chỗ không hiểu bèn tưởng là hiểu, người khác hỏi “hiểu không?” đáp “thật hiểu”. Vì xứng với ý tưởng nên cũng gọi là thật ngữ. Bốn chánh ngữ này và bốn tà ngữ sau ngược lại với trước, là tám thứ ngôn ngữ.

12. NGHĨA CHÍN NGHIỆP:

Chia làm ba môn:

1. Nêu tên gọi, nói về tướng.
2. Phân biệt ba Tánh.
3. Phân biệt theo loài.

1- Nêu tên gọi, nói về tướng::

Nghĩa chín nghiệp, xuất xứ từ luận Thành Thật. Danh tự ra sao? Như luận ấy nói. Cõi Dục có ba hệ nghiệp: Một là tác nghiệp, hai là nghiệp vô tác, ba là nghiệp phi tác phi vô tác. Cõi Sắc cũng như thế, tức là sáu cõi Vô sắc có hai: Một là nghiệp vô tác, hai là nghiệp phi tác phi vô tác, cộng với trước là tám. Thêm một nghiệp vô lậu, thành ra chín nghiệp.

Tác nghiệp là thân nghiệp, khẩu nghiệp. Nghiệp vô tác là nghiệp vô tác của thân, miệng.

Nghiệp Vô tác sơ lược có chín loại khác nhau.

Thân đều Vô tác: Năm giới, giới của người xuất gia

Tâm câu vô tác: Giới thiền, giới vô lậu

Yếu kỳ vô tác: Tám giới cho đến tất cả các nghiệp thiện ác đều có kỳ hạn yêu cầu. Tướng trạng ra sao? Như có người khởi tâm kỳ hạn “Ta vào thời ấy thường làm nghiệp này”, tùy chỗ giới hạn, phạm vi trở đi vô tác thường sinh, quá kỳ hạn sẽ ngưng, nên gọi là yếu kỳ.

Hy vọng vô tác: Như có người nói: “Ta từ hôm nay thường làm nghiệp này”, không tạo kỳ hạn tự theo tâm hy vọng chưa dứt trở đi, vô tác thường sinh, tâm dứt liền dứt, nên gọi là hy vọng.

Tác câu vô tác: Như người khi gây ra nghiệp thiện ác liền có thiện ác vô tác tùy sinh.

Tùy dụng vô tác: Như người bắc cầu làm đường theo sự thọ dụng của người, vô tác liền sinh gọi là tùy dụng.

Sự tại vô tác: Như người xây dựng tháp miếu từ lúc thân chưa hoại trở đi thường sinh về chỗ lành, gọi là sự tại.

Dị duyên vô tác: Như người viết sách mà thành miệng nghiệp.

Trợ duyên vô tác: Như người dạy người khác, tự mình được phước hay bị tội.

Chín thứ trên đây, thân miệng vô tác y như Luận Thành Thật, lại có một thứ tâm pháp vô tác chỉ từ tâm sinh, thì Luận Tỳ-đàm không nói. Trong vô tác này, trừ tâm trường hợp đạo cộng vô tác, những cái khác đều gọi là nghiệp vô tác.

Phi tác phi vô tác là ý nghiệp, tự là ý nghiệp không giống tác nghiệp của thân miệng ở trước nên gọi là phi tác, không giống nghiệp vô tác của thân miệng gọi là phi vô tác.

Nghiệp vô lậu là nghiệp vô lậu của thân miệng ý.

Đạo cộng vô tác là nghiệp thân miệng, vô lậu tư tâm là nghiệp của ý.

Hỏi: Vì sao cõi Vô sắc không có tác nghiệp?

Đáp: Vì không có thân miệng tạo nghiệp.

2- Y theo ba tánh phân biệt về tướng:

Nói ba tánh là nghiệp thiện, ác, vô ký. Cõi Dục tạo nghiệp chung cả ba tánh. Cõi sắc tạo nghiệp chỉ có thiện và vô ký, không chung với bất thiện. Nếu nói dựa vào mà khởi nghiệp ác cõi Dục thì có bất thiện. Trong Luận Tỳ-đàm đều không có dựa khởi vì địa giới đã dứt.

Vô tác ở Cõi Dục chỉ có thiện và ác, không chung vô ký, vô ký yếu kém, không thể phát sinh nghiệp vô tác. Vô tác ở Cõi Sắc, chỉ có nghiệp thiện, nếu nói dựa khởi nghiệp ác cõi dưới thì có bất thiện. Vô tác nghiệp ở Cõi Vô Sắc đồng với Cõi Sắc.

Phi tác phi vô tác ở Cõi Dục thông suốt ba tánh. Phi tác phi vô tác ở Cõi Sắc theo giới mà nói thì chỉ có thiện và vô ký, nếu nói dựa khởi ác nghiệp cõi Dục được có bất thiện. Phi tác phi vô tác ở Vô Sắc đồng với cõi sắc.

Nghiệp Vô lậu chỉ hạn cuộc ở thiện.

3- Nói theo thú:

Thú là năm thú. Nếu theo Luận Tỳ-đàm và Luận Thành Thật thì hai cõi trời và người khởi đủ chín nghiệp. Ba đường kia chỉ khởi ba nghiệp cõi Dục, còn lại sáu nghiệp đều chẳng khởi.

Theo phẩm Thiên trong Tạp A-hàm, có mẹ của quỷ thần, tên Phú-na-bà-tẩu, nghe Phật nói pháp được nhập Thánh đạo. Theo văn ấy thì quỷ đạo cũng khởi được nghiệp vô lậu.

Trong kinh Phương Đẳng cũng đồng với thuyết trên. Nhưng kia có thể khởi nghiệp vô lậu, nên biết cũng có khởi nghiệp lên cõi trên, vì pháp vô lậu y vào thiền mà sinh.

13. MƯỜI NGHIỆP BẤT THIỆN:

Chia làm bảy môn:

1. Giải thích tên gọi.

2. Nói về thể.
3. Thứ lớp khởi nghiệp.
4. Nói về Rộng và Hẹp
5. Tác, Vô tác
6. Phân biệt ba độ
7. Phân biệt giới thứ.

1- Giải thích tên gọi :

Mười nghiệp bất thiện là từ sát sinh cho đến tà kiến, nhiều đời tiếp nối nhau gọi là chúng sinh; cắt đứt sự tiếp nối ấy gọi là sát. Đối với tài sản của người xâm đoạt một cách phi lý nên gọi là Đạo. Hành động gian tà trái lẽ gọi là tà dâm. Đây là ba nghiệp về thân.

Hỏi: Những việc như đánh đập, trói buộc cũng là thân nghiệp, vì sao không nói?

Đáp: Vì nhẹ nên không nói, lại nữa đánh đập cột trói là quyền thuộc của sát, giúp thành nghiệp sát, chỉ nêu nghiệp chánh thì giúp đỡ cũng tùy theo, cho nên không nói. Lại mười nghiệp đạo chỉ nói phần căn bản, còn kia là phương tiện cho nên không nói.

Lời không tương đương sự thật gọi là dối, dối có chỗ bàn luận gọi là nói dối. Lời bàn đây, kia trái nhau gọi là lưỡng; lời giữa hai bên theo lưỡng mà khởi nên gọi là hai lưỡng. Lời lẽ thô bỉ gọi là ác; ác từ miệng sinh gọi là ác khẩu. Trước nói hai lưỡng, đây là nói ác khẩu là dựa vào ngôn ngữ lẫn nhau. Lời tà bất chánh còn dựa vào sắc, theo thí dụ mà lập gọi là thêu dệt. Bốn thứ này là miệng nghiệp.

Thuận cảnh nhiễm ái gọi là tham, trái ý tức giận gọi là sân.

Mê đạo lý chánh, tà tâm tìm cầu nên gọi là tà kiến.

Hỏi: Trong ba độ của ba căn đều gọi là si, nay ở đây vì sao gọi là tà kiến?

Đáp: Thành Thật giải thích, tà kiến tăng thượng trong si, giải thích phiền não tư phải là tăng thượng nên nói tà kiến.

Ba thứ sau: Tham, sân, tà kiến là ý nghiệp đạo. Nhưng mười thứ này khởi tạo tác gọi là nghiệp; thông suốt gọi là Đạo. Tương chung là như thế. Nếu nói riêng thì có ba nghĩa.

1. Đối tư để nói về nghiệp bất thiện: Tư sinh khởi sát nên gọi là nghiệp sát mười thứ thông suốt với tư trước gọi là Nghiệp đạo.

2. Đối quả để giải thích: Sát mười nghiệp hay khởi quả báo vị lai nên gọi là Nghiệp, thông từ người đến quả gọi là nghiệp đạo.

3. Ngay nơi tướng để giải thích: Sát... mười loại tập khởi trong

duyên, nên gọi là Nghiệp, nếu so với nghiệp tư, chung với tư gọi là đạo, nếu so với hậu báo, chung từ người đến quả nên gọi là Đạo.

2. Nói về thể tánh:

1. Trước nói về thân nghiệp có tác, vô tác.

a. Nói về tác nghiệp. Các tông khác nhau nên lập thuyết cũng khác.

* Trong Luận Tỳ-đàm, nói phương tiện sắc là thân tác nghiệp, phương tiện sắc này là sắc nhập, là chỗ vận hành của mắt.

Hỏi: Nếu đây là sắc nhập, trong mười hai màu xanh, vàng... thuộc về sắc nào?

Đáp: Nghĩa là cao thấp, chánh và bất chánh.

* Nếu theo Luận Thành Thật, là giả danh sắc, thuộc về pháp nhập. Nghĩa này ra sao? Trên sắc trần, trong sự nối tiếp có tổn ích, là tác nghiệp của thân. Có người nói, trong Luận Thành Thật nói thân nghiệp dùng tư làm chánh thể, thân là công cụ của nghiệp. Nghĩa này không đúng. Phương tiện trước khi tạo nghiệp thì tư là chủ chánh, thân miệng là công cụ. Nếu nói đúng về thành nghiệp thì thân nghiệp giả sắc có thể. Phẩm Nghiệp Tướng trong Luận Thành Thật nói: khi sắc pháp nối tiếp sinh, các nơi khác hay có tổn ích gọi là thân nghiệp, không nói về tư. Nên biết không dùng tư làm chánh thể. Sắc pháp nối tiếp pháp sau khởi theo pháp trước gọi là sinh nơi khác.

b. Kế nói về vô tác, theo Luận A-tỳ-đàm cũng là sắc tánh, thuộc về pháp nhập. Nếu theo Luận Thành Thật, phi sắc tâm thuộc về Pháp nhập.

2. Nói về khẩu nghiệp, trong đây cũng có tác và vô tác.

a. Nói về tác nghiệp, theo Luận Tỳ-đàm, thanh nhập làm thể là chỗ vận hành của tai. Nếu theo Luận Thành Thật thì giả danh thanh thuộc về pháp nhập. Ở trên thật thanh trước sau tiếp nối, hay có tổn ích là tác nghiệp của miệng.

b. Nói về vô tác, đồng với thân nghiệp.

3. Nói về ý nghiệp, theo Luận A-tỳ-đàm ý chỉ có tác nghiệp không có nghiệp vô tác, do trong tâm pháp ba tánh không cùng một lần, khi thiện không ác, khi ác không thiện, nên không có vô tác. Nên luận nói rằng, do ba thứ nên ý không có vô tác. Trong tác nghiệp tư là chánh chủ, các tâm, tâm pháp khác đi theo nhau gọi là Nghiệp. Nếu theo Luận Thành Thật, ý nghiệp có cả tác và vô tác. Tư là tác nghiệp. Theo chỗ tác nghiệp, nghiệp vô tác này cũng phi sắc tâm.

3. Thứ lớp khởi nghiệp:

Trong đây có hai:

1. Tướng nghiệp khởi thứ lớp.
2. Nghiệp đạo chung và hạn cuộc.

1. Thứ lớp: Nghiệp khởi thứ lớp có bốn thứ, thứ nhất là trước khởi phiền não từ ba căn, kế tiếp là khởi nghiệp tư bất thiện, thứ ba là tiếp khởi phiền não ba đường, thứ tư là tiếp khởi bảy nghiệp của thân miệng. Như muốn sát sinh, hoặc trước khởi tham, hoặc khởi sân si. Kế khởi tâm suy nghĩ, nghĩ muốn dứt mạng sống, từ ý nghĩ này kế lại khởi một lớp tham, hoặc lớp sân, si nữa, đồng với ý nghĩ trước, sau đó lại khởi tâm suy nghĩ, phát ra tay, thân, ép bức cắt đứt mạng kia. Sát sinh như thế, trộm v.v... cũng giống như thế.

2. Thông cuộc, tướng của nghiệp đạo nói theo bốn trường hợp:

a. Nghiệp mà chẳng phải đạo, nghĩa là tâm suy nghĩ tính lường tạo tác gọi là Nghiệp, không có chỗ thông đồng với trước nên không gọi là đạo.

b. Đạo mà chẳng phải nghiệp, nghĩa là cái suy nghĩ về tham, sân, tà kiến sau đồng với cái suy nghĩ trước, nên gọi là Đạo, mà chẳng phải tánh tạo tác nên không gọi là Nghiệp.

c. Vừa là nghiệp vừa là đạo, nghĩa là bảy nghiệp về thân miệng trong duyên khởi tạo tác nên gọi là Nghiệp, đồng với suy nghĩ trước nên gọi là Đạo.

d. Chẳng phải nghiệp, chẳng phải đạo, nghĩa là thể của ba phiền não căn bản trước khi suy tư chẳng khởi tạo tác, không đồng với suy tư nên không gọi là Nghiệp, trước chẳng có chỗ thông nên không gọi là Đạo.

Bốn thứ này nếu so với quả vị lai, đều được gọi là Nghiệp và cũng được gọi là Đạo. Vì hay tạo quả vị lai nên gọi chung là Nghiệp, vì thông đồng đến quả nên gọi chung là đạo.

Hỏi: Trong ba căn trước suy tư có tư nghiệp chẳng?

Đáp: Nếu theo Luận Tỳ-đàm, tư là tâm sở chung nên tất cả mọi nơi đều có, nên trong ba căn cũng có tư nghiệp. Chỉ vì các tâm pháp tùy lúc mà đặt tên nên ẩn đi không nói.

Nếu theo Thành Thật, trước và sau khi tâm khởi, ba căn trong ấy không có tư.

Hỏi: Khi suy tư có tham chẳng?

Đáp: Nếu theo Tỳ-đàm, bên tâm bất thiện thường có phiền não, nên bên cạnh tư tâm cũng có tham..., cũng do tâm pháp tùy thời được gọi

tên nên không bày ra. Nếu theo Thành Thật, không có tâm sở tư riêng, phần yêu thích mong muốn gọi là Tư, ngoài nghiệp Tư này không còn có thể riêng của Tham. Nếu đứng về mặt tư tâm theo nghĩa mà có lý cũng không hại.

Hỏi: Sau tư, trong ba đường có nghiệp Tư chăng?

Đáp: Nghĩa này tương tự như ba căn trước khi tư.

Hỏi: Đang lúc khởi nghiệp thân miệng có tư tâm và ba đường chăng?

Đáp: Nếu theo Luận Tỳ-đàm, đều có đủ nghĩa bày ẩn hiển cho nên không nói. Theo bộ Đàm-vô-đức, bấy giờ chỉ có thân miệng vận động và tâm oai nghi ác nên đối với tất cả nghiệp bất thiện phi oai nghi thì tội là Đột-kiết-la.

4. Nói về rộng hẹp:

Trong đây dùng mười nghiệp bất thiện đối với ba thứ tà hạnh, bảy luận nghi ác để nói về rộng hẹp.

1. Trong ba môn này, về ba thứ thân miệng ý v.v..., ba thứ tà hạnh, một bề là rộng vì đủ bốn nghĩa, bốn nghĩa gồm:

- a. Một là thân, miệng, ý.
- b. Chung cả căn bản và phương tiện.
- c. Chung cả nặng nhẹ.
- d. Chung cả tác và vô tác.

Vì đủ bốn nghĩa này cho nên rất rộng.

2. Mười nghiệp bất thiện so với bảy luật nghi ác có rộng hẹp lẫn nhau.

a. Mười nghiệp bất thiện một hẹp, ba rộng.

* Nói về ba rộng:

* Một là chung cả ba nghiệp.

* Hai là chung cả nhẹ và nặng.

* Ba là chung cả tác và vô tác.

* Nói về hẹp, chỉ ở căn bản, không chung với phương tiện.

b. Bảy luật nghi ác ba hẹp, một rộng.

Ba hẹp đối chiếu với trước rất dễ biết. Một rộng chung cho căn bản và phương tiện. Nói căn bản như giết hại, nói phương tiện như chứa nuôi...

5. Nói về hữu tác, vô tác:

1. Trước đứng về nghiệp đạo căn bản để nói về tác, vô tác: Trong bảy nghiệp của thân miệng thì một lỗi tà dâm đầy đủ cả tác và vô tác,

rốt ráo thành nghiệp cần yếu ở thân, cho nên có tác. Tùy theo tác nên có sinh tội vô tác, cho nên có vô tác. Ngoài ra các nghiệp kia vô tác là nhất định, tác nghiệp là bất định. Nghiệp vô tác là như thân tự làm hoặc dạy người làm đều tùy sinh nên gọi là nhất định. Nếu nói về tác nghiệp, tự làm thì có, dạy người thì không nên nói là bất định.

2. Kế đến đứng về nghiệp đạo phương tiện để nói tác và vô tác, nên biết tất cả phương tiện trước sau, tác nghiệp là nhất định và vô tác là bất định. Vì sao bất định? Vì trọng tâm tạo tác nên có vô tác; khinh tâm tạo tác thì không có vô tác, nên nói là bất định.

Hữu tác vô tác nói sơ lược như thế.

6. Đối ba độc phân biệt các nghiệp:

Theo Luận A-tỳ-đàm tất cả nghiệp đạo đều từ ba độc khởi hệ thành thì là bất định. Nghiệp sát sinh, ác khẩu và sân do sân tâm thành. Nghiệp trộm, dâm và tham hoàn toàn do tham dục. Nghiệp tà kiến chỉ do tâm si mà thành, ba nghiệp đạo khác đủ ba việc.

Nếu theo Luận Thành Thật, một nghiệp tà dâm từ ba việc khởi, chỉ từ tham dục thành, còn những nghiệp khác đều ba việc khởi, đủ ba việc thành.

Mỗi tông phân biệt mỗi khác khó bề thông hiểu.

7. Theo giới thú phân biệt nghiệp báo:

Giới là tam giới. Theo Luận Tỳ-đàm thì mười nghiệp bất thiện hệ thuộc cõi Dục, chỉ khởi ở cõi Dục. Nếu theo Luận Thành Thật hệ thuộc cõi Dục nhưng khởi thì không nhất định. Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, ác khẩu, hai lối chỉ khởi ở cõi Dục. Nói dối, thêu dệt đều khởi ở cõi Dục và cõi Sắc, như trời Phạm Thiên tự nói mình tối thắng khiến cho các Phạm Thiên khác chấm dứt bờ già chết, tức là nói dối. Pháp không tương ứng này là nói thêu dệt. Tham và tà kiến trong ba cõi đều khởi đủ vì tà kiến bất thiện kia được nương khởi.

Thú là năm thú, như Luận Tỳ-đàm lập thuyết, địa ngục có năm nghiệp đạo. Uất-đơn-việt có bốn, các nơi khác mỗi nơi đều đủ mười và những cõi trời, đường ác khác. Địa ngục có năm: Vì Địa ngục chỉ khởi năm nghiệp đạo là ác khẩu, thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Khi chịu tội họ mắng chửi ngục tốt cho nên có ác khẩu. Ác khẩu trái pháp tức là thêu dệt, bấy giờ tức giận là sân nhuế, tham và tà kiến thành tựu mà không hành động. Uất-đơn-việt bốn là chỉ có thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Châu ấy có ca vịnh nên có thêu dệt, tham, sân, tà kiến thành tựu mà

không hiện hành.

Hỏi: Cõi ấy có hành dục, vì sao không nói có nghiệp đạo dâm?

Đáp: Cõi ấy không có vợ chồng phối hợp, tuy cùng hành dâm nhưng không xâm đoạt nhau, không gọi là dâm, nên không gọi là nghiệp tà dâm.

Hỏi: Cõi Uất-đơn-việt có hành dục, dục nhân tham khởi, vì sao nói tâm tham thành tựu, dục không hiện hành?

Đáp: Cõi ấy có khởi tham dâm, thật ra khi hiện hành chỉ là cái dâm do tham khởi ấy chẳng thuộc mười ác. Cái tham năng khởi cũng chẳng phải thuộc nghiệp đạo bất thiện, nên tuy khởi mà không gọi là nghiệp tham dục hiện hành. Như cõi người, vợ chồng lưu luyến ràng buộc nhau không gọi Nghiệp đạo, kia cũng như thế.

Hỏi: Nếu cõi kia tham khởi dâm thì không phải là nghiệp đạo, trong ba tánh thiện, ác, vô ký thuộc về tánh nào? Nếu tánh là thiện, tham dục phiền não chẳng lẽ là thiện; nếu là vô ký thì luận nói tất cả phiền não cõi Dục, trừ thân kiến, biên kiến, những cái khác thấy là bất thiện, không thể nói tham dục là vô ký. Nếu tánh bất thiện thì thuộc về mười nghiệp ác, vì sao nói là không gọi tên nghiệp tham dục hiện hành, vợ chồng thương yêu nhau cũng như vậy?

Đáp: Tánh của tham là bất thiện, tánh tuy bất thiện nhưng lỗi nó nhẹ mỏng, thuộc về ba độc không thuộc nghiệp đạo, nên tuy hiện khởi mà không gọi là nghiệp đạo tham dục hiện hành.

Hỏi: Uất-đơn-việt đã có thù dật, thù dật do tham sân si khởi, cũng do kia mà thành, vì sao không gọi là tham... hiện hành?

Đáp: Cõi ấy có thù dật, nhưng thật do si khởi. Nhưng trong kinh Phật nói tà kiến là nghiệp đạo, không nói si tâm là nghiệp đạo. Nên si ấy tuy hiện hành mà chỉ là si độc, cũng không gọi là tà kiến hiện hành. Vì không tìm cầu nên cõi ấy tà kiến không hiện hành, nên không có các việc dứt bỏ điều lành, phá tăng v.v...?

Hỏi: Cõi ấy có ca vịnh là pháp không nên tức là nói dối, vì sao không nói có nói dối?

Đáp: Kia không có tâm dối gạt nên chẳng phải nói dối.

Các cõi kia có mười, trong ba châu còn lại, mỗi châu có đủ mười nghiệp. Cõi trời, đường ác, nghĩa là các cõi quỷ súc và cõi trời khác có đủ mười. Nếu theo Luận Thành Thật, chỉ có cõi Uất-đơn-việt là đồng như Luận Tỳ-đàm, còn ba châu và ba đường ác cùng cõi trời đều có mười nghiệp. Trong cõi địa ngục chỗ tội nặng nhất, tuy có chút ít tội nhẹ cũng đủ mười nghiệp đạo.

14. MƯỜI BỐN NGHIỆP CẤU: Mười bốn nghiệp cấu, xuất xứ từ kinh Thiện Sinh trong Trường A-hàm. Mười bốn nghiệp cấu là: Như trong ấy nói có bốn kiết nghiệp, y theo bốn nơi tạo các nghiệp ác tức là tám, thêm sáu nghiệp tổn tài cộng chung là mười bốn. Bốn kiết nghiệp là: Sát, đạo, dâm và nói dối.

Hỏi: Vì sao không có hai lưỡi, ác khẩu, thù dật?

Đáp: Vì người tại gia không thể lìa nên không nói.

Bốn nơi là: Ái, nhuế, bố, si. Bốn thứ này là chỗ nương để khởi nghiệp nên nói bốn chỗ.

Sáu việc hao tổn tài là: uống rượu, đánh bạc, phóng đãng, mê ca hát, bậy ác tương đắc và lưỡi biếng.

* Uống rượu có sáu lỗi: mất tiền, sinh bệnh, gây gỗ, tiếng xấu đồn khắp, sân si bộc phát, tổn giảm trí tuệ.

* Đánh bạc cũng có sáu lỗi: tài vật hao tổn, dù được cũng sinh oán, người trí trách móc, người không kính tin, bị người coi rẻ, sinh tâm ăn trộm.

* Phóng đãng cũng có sáu lỗi: không tự hộ thân, không hộ tài sản, không hộ con cháu, thường tự khinh sợ, pháp khổ ác thường tự ràng buộc thân, ưa sinh luống dối.

* Mê ca hát cũng có sáu lỗi: cầu ca hát, cầu múa may, cầu đàn, ba-nội-tảo, đa-la-bàn, thủ-kha-na.

Ba việc sau là tiếng Phạm không dịch, chẳng biết nghĩa là gì.

* Bậy ác tương đắc cũng có sáu lỗi: Phương tiện dối gạt, ưa chơi chỗ vắng, dụ dỗ người khác, mưu mô đối với vật của người, tài lợi tự đem về mình, ưa nói dối người.

* Lưỡi biếng cũng có sáu lỗi: giàu có không chịu làm việc, nghèo cùng không chịu siêng năng, khi lạnh cũng không làm việc, khi nóng cũng không làm việc, sớm quá cũng không làm, trễ quá cũng không làm.

15. MƯỜI SÁU LUẬT NGHI ÁC:

Mười sáu luật nghi ác xuất xứ từ kinh Niết-bàn. Lỗi ác vô tác thường sinh khởi tiếp nối gọi là luật nghi. Có mười sáu luật nghi khác nhau:

- 1- Vì lợi nuôi dê cho mập rồi đem bán.
- 2- Vì lợi nên mua rồi đem giết.
- 3- Vì lợi nuôi heo cho mập rồi đem bán.
- 4- Vì lợi nên mua về giết thịt.

5- Vì lợi nên nuôi trâu, cho mập rồi đem bán.

6- Vì lợi nên mua về giết thịt.

7- Vì lợi nên nuôi gà, mập rồi đem bán.

8- Vì lợi nên mua về giết thịt.

9- Câu cá.

10- Bắt chim.

11- Thợ săn.

12- Trộm cướp.

13- Làm đầu đảng.

14- Hai lưỡi chuyên phá hoại.

15- Cai ngục.

16- Chú thuật. Trong Luận Tỳ-đàm nói mười hai: 1. Giết dê, 2. Nuôi heo, 3. Nuôi gà, 4. Bắt cá, 5. Bắt chim, 6. Thợ săn, 7. Làm giặc, 8. Đầu đảng, 9. Giữ ngục, 10. Chú thuật.

Mười pháp này giống như trên, thêm hai điều:

11. Giết chó.

12. Trưởng đoàn săn.

Nói giết dê, như Luận Tỳ-đàm nói có tâm sát hại, hoặc bán hoặc giết đều gọi là giết dê, nằm trong điều thứ nhất, thứ hai. Nói nuôi heo cũng do tâm sát, hoặc bán hoặc giết thủy đều gọi là giết heo, hoặc bán hoặc giết đều gọi là giết heo, nằm trong điều thứ ba thứ tư. Nuôi gà cũng vậy, thuộc điều thứ bảy, thứ tám. Nói bắt cá, giết cá để sinh sống. Bắt chim, thợ săn cũng vậy. Nói làm giặc, thường trộm cắp. Nói làm kẻ đầu đảng, thường làm chủ giết người để tự sinh sống. Nói giữ ngục là giữ ngục để sinh sống. Nói chú thuật, là đọc chú điều khiển rồng rắn, đùa giỡn để tự nuôi sống. Nói giết chó là Chiên-đà-la giết chó để sinh sống. Nói trưởng đoàn săn bắt, như các vương gia, chủ thợ săn v.v...

Đứng về mặt giết dê, tuy không có tâm giết các chúng sinh khác, nhưng đối với các chúng sinh mang tiếng luật nghi ác, vì các loài khác đều có thể có lý của loài dê. Những điều khác đều như vậy.

Hỏi: Trong bảy luật nghi thuộc về luật nghi thứ mấy?

Đáp: Nếu theo kinh Niết-bàn, thì thuộc về ba luật nghi sát, đạo, hai lưỡi. Do ba thứ này chỗ tổn hại rất nhiều nên nói nghiêng về nó. Còn Luận Tỳ-đàm chỉ nói thuộc về sát, đạo. Làm giặc là trộm cướp, những cái còn lại là giết hại.

16. BA MƯƠI LĂM LỖI CỦA UỐNG RƯỢU:

Theo Luận Đại Trí Độ, uống rượu có ba mươi lăm lỗi:

đuổi.

- 1- Hiện đời tài vật trống không. 2- Là cửa nẻo của mọi thứ bệnh.
- 3- Gốc tranh đấu, dẫn đến kiện tụng 4- Lỗ lỗ không hổ thẹn.
- 5- Tiếng xấu đồn khắp người không cung kính. 6- Trí tuệ lu mờ.
- 7- Đáng lẽ được vật mà không được, vật đã được lại bị mất. 8- Nói việc riêng cho người biết.
- 9- Các sự nghiệp bỏ phế không thành tựu. 10- Gốc ưu sầu.
- 11- Thân lực giảm bớt. 12- Hình sắc tổn hại.
- 13- Không kính cha. 14- Không kính mẹ
- 15- Không kính chú, bác và các bậc tôn trưởng. 16- Không kính sa-môn.
- 17- Không kính Bà-la-môn. 18- Không biết kính Phật 19- Không biết kính pháp 20- Không biết kính tăng 21- Gần gũi người ác
- 22- Xa lánh người thiện
- 23- Làm người phá giới, vì uống rượu trái với pháp. 24- Tâm không hổ thẹn.
- 25- Không giữ gìn các căn. 26- Buông lung theo sắc.
- 27- Bị người ghét bỏ không ưa gặp.
- 28- Các thân thuộc, bạn bè quý trọng và các tri thức đều xa

- 29- Làm việc bất thiện, do uống rượu sinh ra tội. 30- Bỏ bê pháp thiện.
- 31- Người sáng, bậc trí đều không tin dùng. 32- Xa lìa Niết-bàn
- 33- Thường làm nhiều việc cuồng si trong nhiều đời. 34- Sau khi chết thì rơi vào đường ác.
- 35- Nếu được làm người, sinh chỗ nào cũng thường ngu đần. Lỗi của rượu như thế, cần phải đoạn dứt.